

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên** : Phạm Thị Thu Trang  
**Giảng viên hướng dẫn:** ThS. Nguyễn Đức Kiên

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH VĨNH SINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Trang  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Thu Trang

Mã SV: 1613401003

Lớp: QTL1001K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh.

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1 Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	3
1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu .....	4
1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu .....	5
1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	6
1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	7
1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	7
1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	9
1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán .....	11
1.6 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp .....	15
1.6.1 Kế toán chi phí bán hàng .....	15
1.6.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	17
1.7 Kế toán doanh thu, chi phí và hoạt động tài chính .....	19
1.7.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	19
1.7.2 Kế toán chi phí tài chính .....	21
1.8 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác .....	22
1.9 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp .....	25
1.10 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán .....	26
1.10.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	27
1.10.2 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ .....	28
1.10.3 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái .....	29
1.10.4 Hình thức chứng từ ghi sổ .....	30
1.10.5 Hình thức kế toán máy .....	31
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH SINH</b> .....	32

2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	32
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Vĩnh Sinh .....	32
2.1.2 Đặc điểm hàng hóa tổ chức kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh .....	32
2.1.3 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	32
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý. ....	32
2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Vĩnh Sinh .....	35
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Vĩnh Sinh .....	36
2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Vĩnh Sinh.....	36
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	36
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán .....	46
2.2.1.3 Kế toán bán hàng và quản lý doanh nghiệp .....	57
2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Vĩnh Sinh. ....	68
2.2.3 Kế toán doanh thu và chi phí khác trong công ty TNHH Vĩnh Sinh .....	72
2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh .....	72
<b>CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH SINH.....</b>	<b>85</b>
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Vĩnh Sinh. ....	85
3.1.1 Ưu điểm.....	85
3.1.2 Hạn chế.....	85
3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	86
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	86
3.4 Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh .....	87

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh .....	95
3.5.1 Về phía Nhà nước .....	95
3.5.2 Về phía doanh nghiệp .....	95
<b>KẾT LUẬN</b> .....	96
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	97

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế hiện nay, vấn đề nổi cộm được các doanh nghiệp rất quan tâm đó là “Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình có hiệu quả hay không. Doanh thu có đủ để chi trả cho toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra hay không? Làm thế nào để doanh nghiệp làm ăn có lợi nhuận cao nhất” Chính vì lý do như vậy công tác kế toán đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc thu thập thông tin, xử lý thông tin và cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý, giúp họ đưa ra những quyết định chính xác, kịp thời để đạt được mục tiêu đã đề ra ban đầu của công ty mình.

Chính vì nắm được tầm quan trọng của công việc ấy, và được sự chấp nhận của công ty TNHH Vĩnh Sinh, vận dụng kiến thức 4 năm ngồi trên ghế nhà trường cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo Nguyễn Đức Kiên, em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh” làm đề tài tốt nghiệp

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về đề tài kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phạm vi nghiên cứu: Công ty TNHH Vĩnh Sinh

### 4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán

- Phương pháp thống kê so sánh

## **5. Kết cấu khóa luận**

Khóa luận bao gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh



**CHƯƠNG 1****LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1 Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

\* Bán hàng: là hoạt động thực hiện trao đổi sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp chuyên cho khách hàng và khách hàng đồng ý hoặc chấp nhận thanh toán cho doanh nghiệp

\* Sản phẩm sản xuất: là sản phẩm mà doanh nghiệp tự sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi có nhu cầu tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

\* Doanh thu: là tổng giá trị và lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

\* Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các nghiệp vụ và giao dịch phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán... trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

\* Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Hoạt động sản xuất kinh của doanh nghiệp bao gồm 3 loại hình: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.
- + Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.
- + Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích kiếm lợi nhuận.
- + Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động kinh doanh: là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và các hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

## 1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

### \* Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc người kiểm soát hàng hóa
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### \* Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- + Doanh thu thu được tương đối chắc chắn
- + Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- + Doanh nghiệp xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày tiến hành lập bảng cân đối kế toán
- + Doanh nghiệp xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện đã nêu ở trên

\* Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện.

### 1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng, bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế,

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. Cuối kỳ, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp sẽ được trừ ra khỏi doanh thu bán hàng.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu)

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi nhận doanh thu

hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với từng thời điểm xác định doanh thu trong thời gian trả lãi.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

\* Không hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các trường hợp sau:

- Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công, chế biến.

- Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành (sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ)

- Số tiền thu được về từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ

- Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi đi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được sự chấp nhận thanh toán của người mua

- Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán hàng đại lý, ký gửi (chưa được xác nhận là tiêu thụ)

- Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### **1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: phản ánh và ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh của các loại hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác, riêng biệt từng loại doanh thu.

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí: phản ánh, ghi chép các chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: tổng hợp doanh thu, chi phí nhằm tính toán ra kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện đóng các khoản thuế cho Nhà nước.

## **1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ**

### **1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **\* Chứng từ sử dụng**

- + Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng
- + Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, bảng kê hàng hóa gửi bán đã tiêu thụ
- + Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng

#### **\* Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty con trong cùng một tập đoàn.

- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 511 bao gồm 6 tài khoản cấp 2

+Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực ...

+ Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dành cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp ...

+ Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán ,...

+ Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh

ngành thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

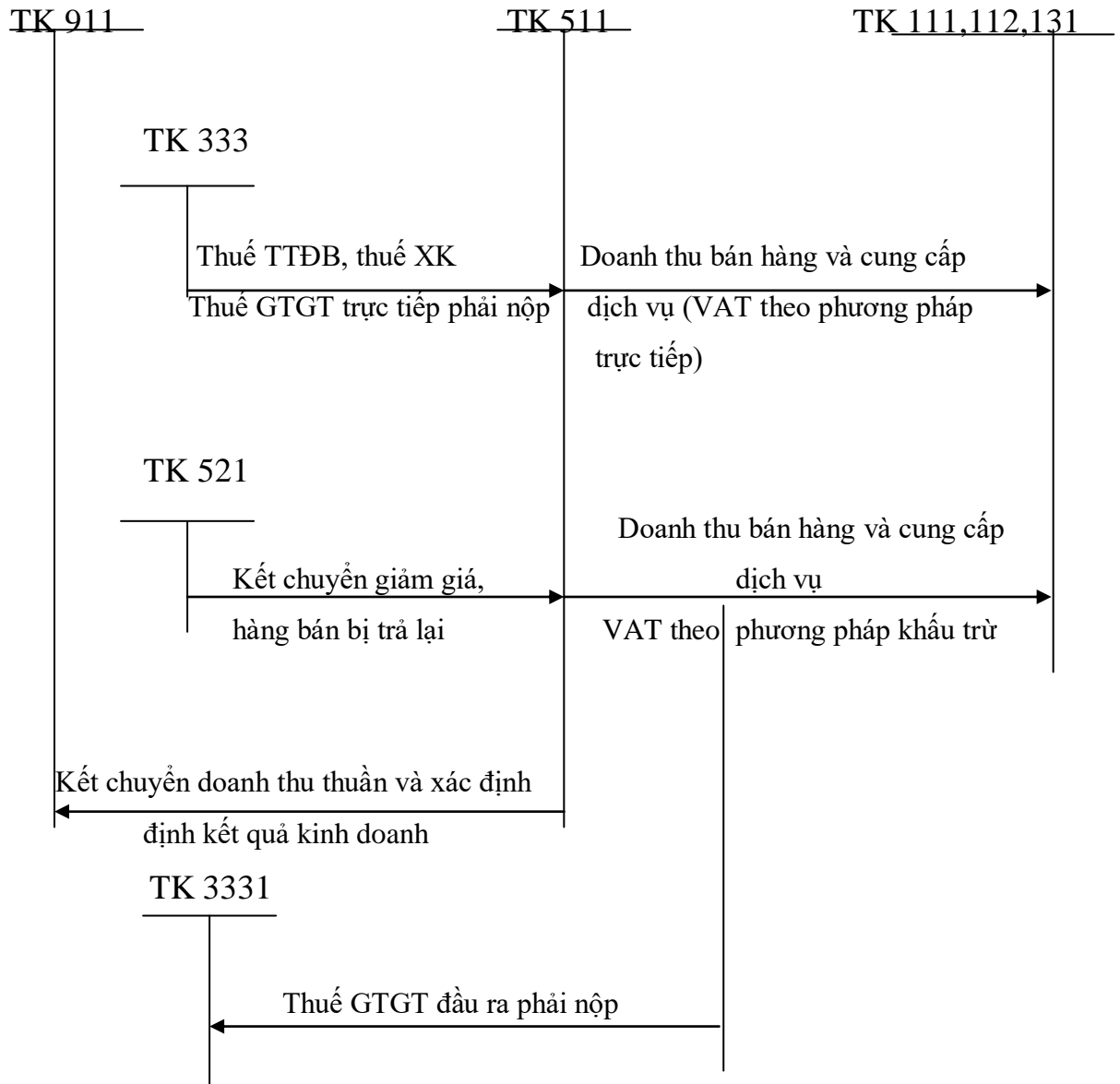
+ Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư

+ Tài khoản 5118: Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp trợ giá và doanh thu kinh doanh bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ và các khoản doanh thu khác.

**\* Kết cấu tài khoản 511**

NỢ	TK 511	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán.</li> <li>- Trị giá khoản CKTM kết chuyển vào cuối kỳ</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ</li> <li>- Trị giá khoản giảm giá hàng bán được kết chuyển vào cuối kỳ</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul>	
<b>TỔNG SPS NỢ</b>		<b>TỔNG SPS CÓ</b>
<b>TÀI KHOẢN 511 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>		

**\* Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.1 Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**\* Chứng từ sử dụng**

- + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- + Giấy báo nợ
- + Phiếu chi

**\* Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 521: Các khoản giảm trừ doanh thu: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và

hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

- Tài khoản 521 bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

+ Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

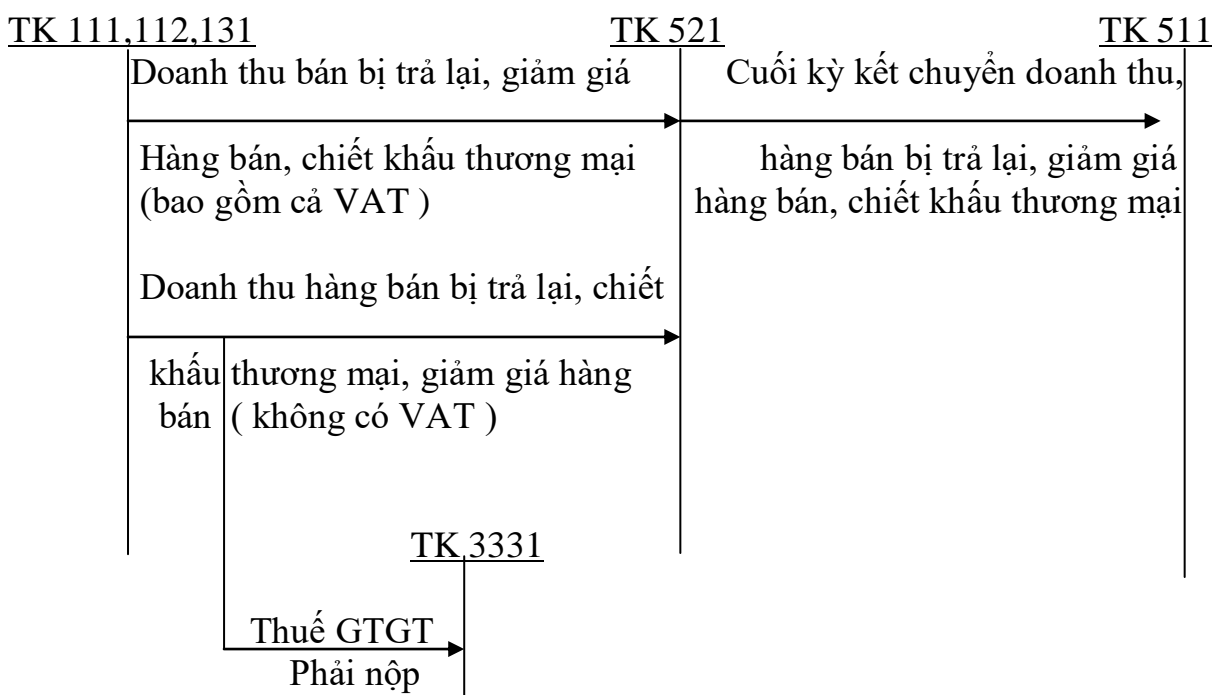
+ Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

• **Kết cấu tài khoản**

NỢ	TK 521	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;</li> <li>- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng</li> <li>- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.</li> </ul>	
<b>TỔNG SPS NỢ</b>		<b>TỔNG SPS CÓ</b>
<b>TÀI KHOẢN 521 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>		



## \* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

**1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán**

Các phương pháp xác định giá vốn hàng tồn kho

- Phương pháp bình quân gia quyền : theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

+ Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ :

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của 1 loại hàng} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } j \text{ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước : phương pháp nhập trước – xuất trước áp dụng trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp giá bán lẻ : phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

- Phương pháp thực tế đích danh : phương pháp này được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

\* Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ giá vốn

\* Tài khoản sử dụng

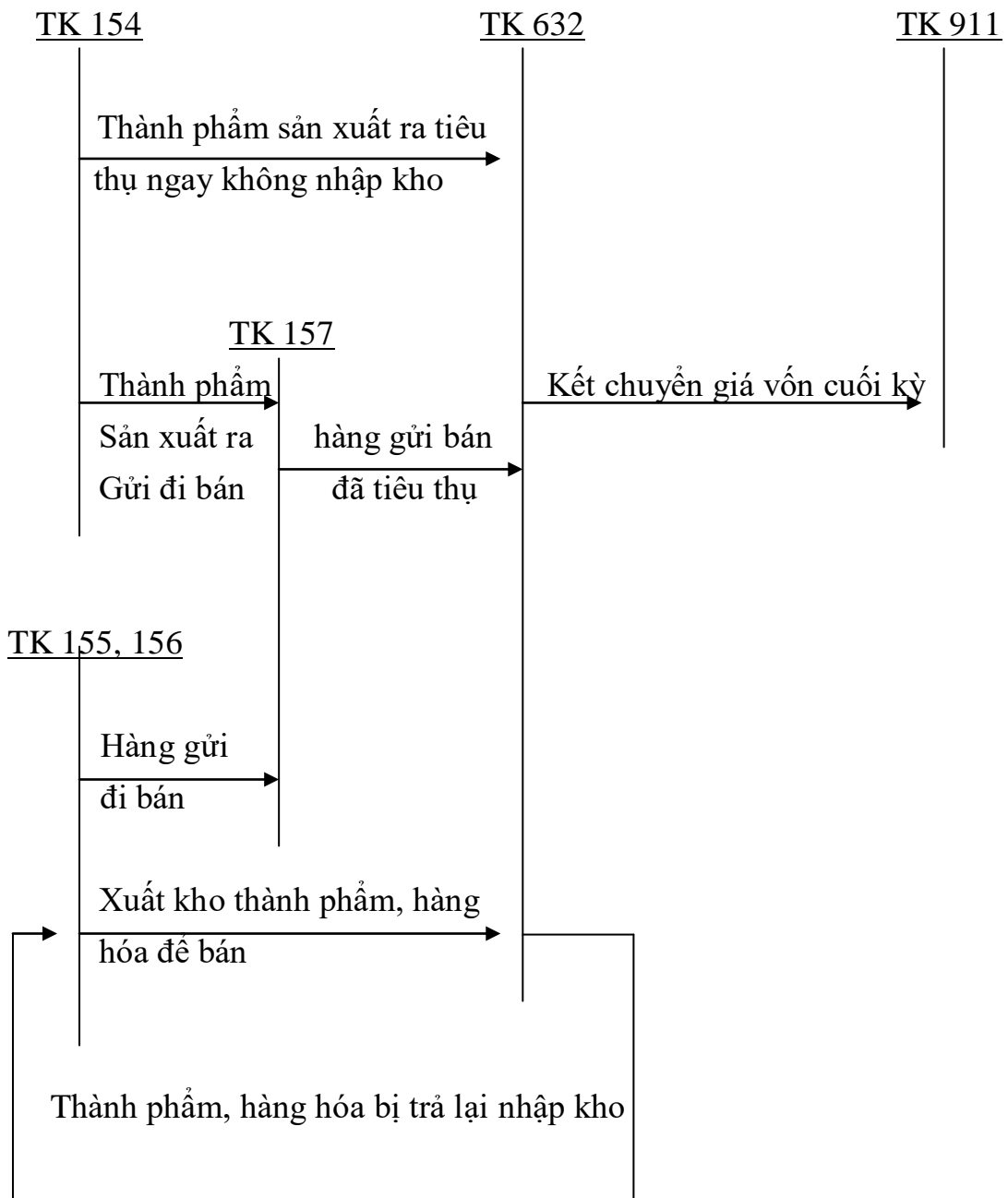
- Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán : tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp ( đối với doanh nghiệp xây lắp ) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như : chi phí khấu hao , chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ( trường hợp phát sinh không lớn) chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

## \* Kết cấu

NỢ	TK 632	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>- Chi phí NVL, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào hàng bán trong kỳ.</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn hàng bán của hàng hóa, san phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư, khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính giá hàng bán bị trả nhập lại kho.</li> </ul>
<b>TỔNG SPS NỢ</b>		<b>TỔNG SPS CÓ</b>
<b>TÀI KHOẢN 632 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>		

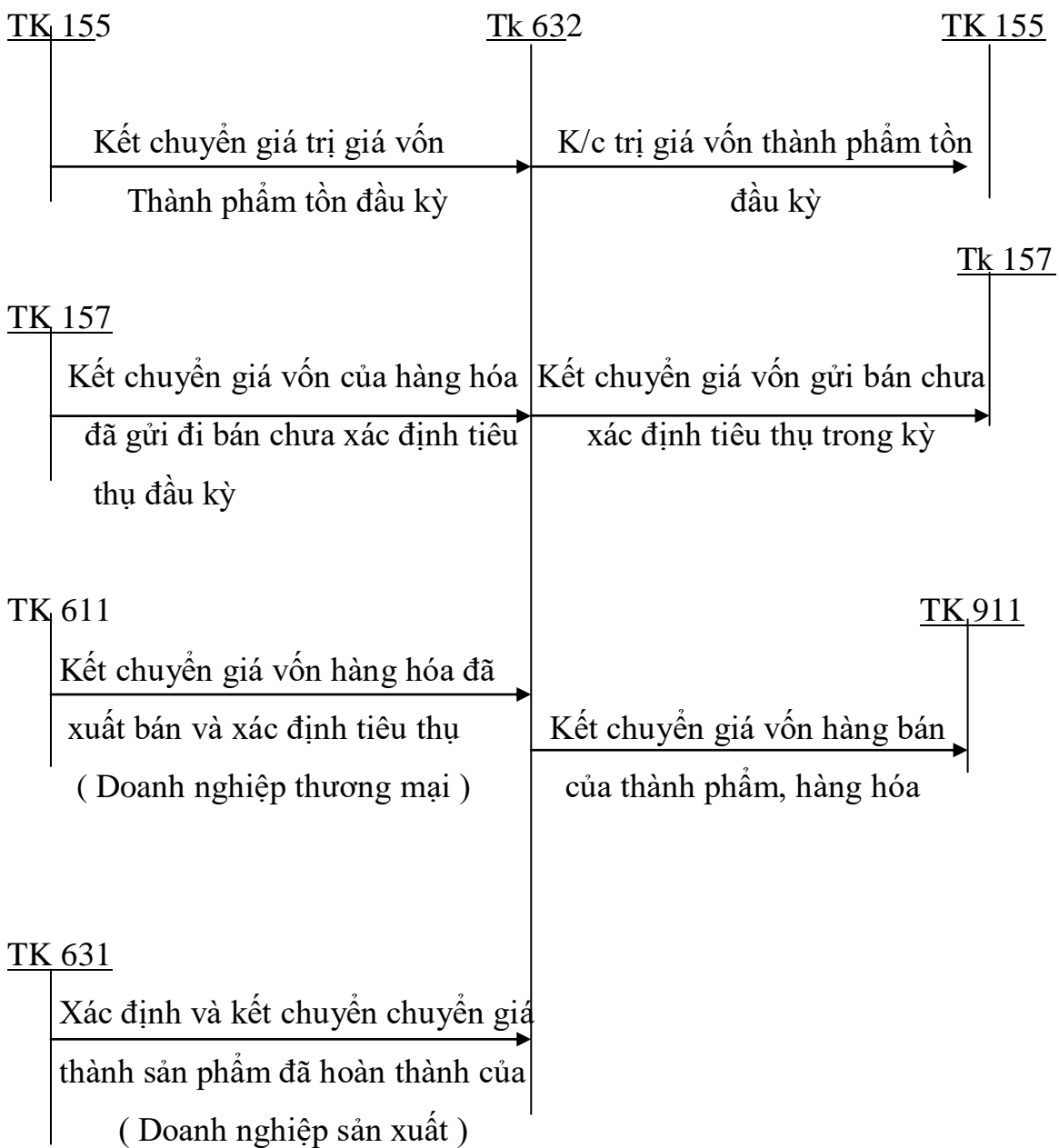
\* Phương pháp hạch toán

- Đối với doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

**1.6 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

**1.6.1 Kế toán chi phí bán hàng**

\* Chứng từ sử dụng

- Bảng lương nhân viên, bảng phân bổ lương
- Bảng phân bổ chi phí trả trước,
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

- Phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT bán hàng các dịch vụ mua ngoài.

\* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 641 : chi phí bán hàng : Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo ấn phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa ( trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,..

- Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2

+ Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên : Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,.. bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp,...

+ Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì : Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản TSCĐ, ... dùng cho bộ phận bán hàng.

+ Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng : Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

+ Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ : Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

+ Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành : Dùng để phản ánh khoản chi phí bảo hành sản phẩm sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở TK 627 “ chi phí sản xuất chung” mà không phản ánh ở TK này.

+ Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài : Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu,...

- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác : Phản ánh chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách phát sinh trong khâu bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng,...

\* Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 641	CÓ
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.		- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
<b>TÀI KHOẢN 641 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>		

### 1.6.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

\* Chứng từ sử dụng :

- Bảng lương, bảng phân bổ lương nhân viên
- Phiếu xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận quản lý
- Bảng phân bổ chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT bán hàng các dịch vụ mua ngoài, phiếu chi, giấy báo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

\* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp : Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương

nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp ( tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...)bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài ( điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...)chi phí bằng tiền khác ( tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

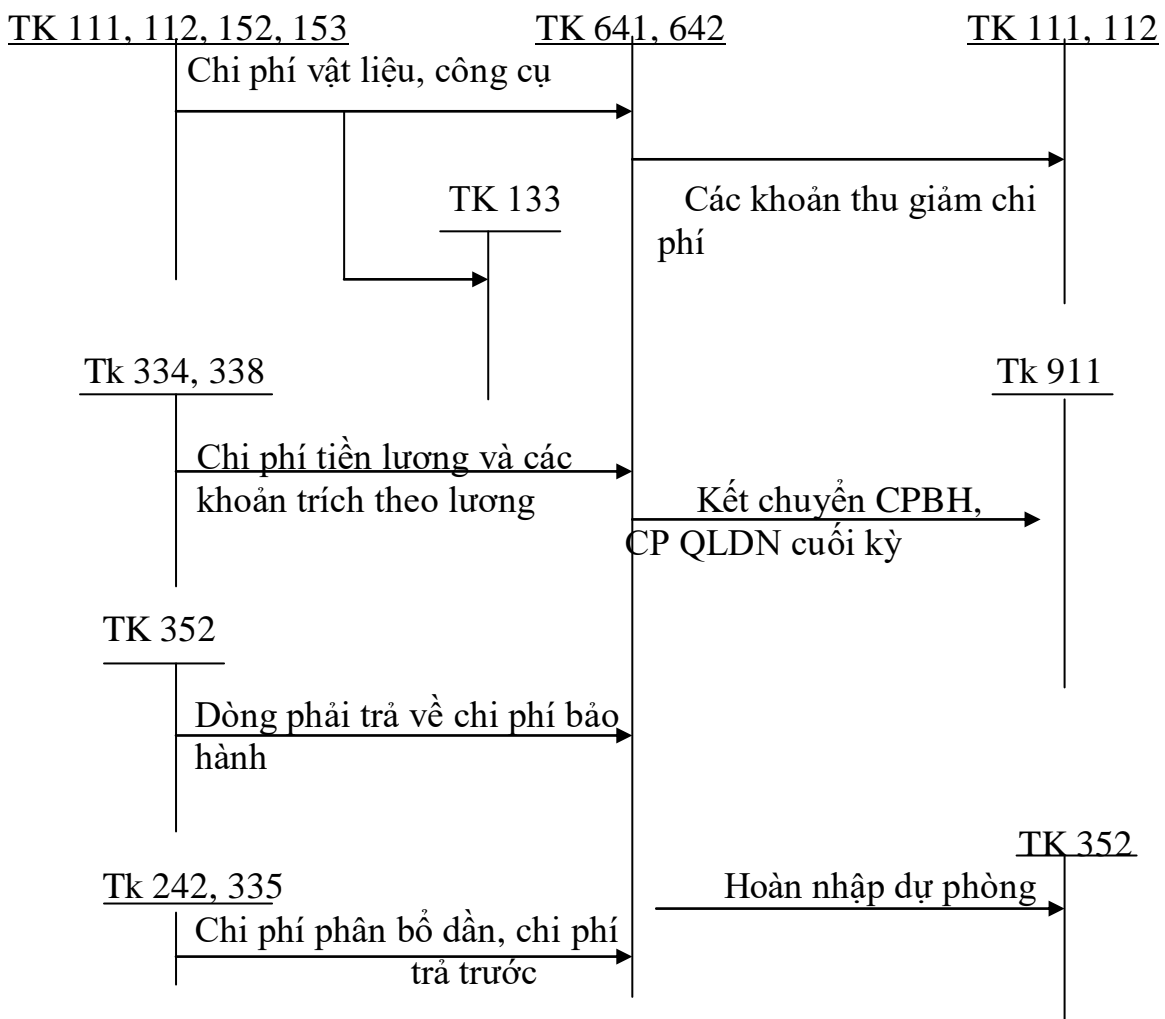
- Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2
- + Tài khoản 6421 : Chi phí nhân viên quản lý
- + Tài khoản 6422 : Chi phí vật liệu quản lý
- + Tài khoản 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng
- + Tài khoản 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Tài khoản 6425 : Thuế, phí, lệ phí
- + Tài khoản 6426 : Chi phí dự phòng
- + Tài khoản 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6428 : Chi phí bằng tiền khác

\* Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 642	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải trả ( chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết )</li> <li>- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “ xác định kết quả kinh doanh”</li> </ul>	
<b>TỔNG SPS NỢ</b>		<b>TỔNG SPS CÓ</b>
<b>TÀI KHOẢN 642 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>		



\* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

**1.7 Kế toán doanh thu, chi phí và hoạt động tài chính**

**1.7.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

\* Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

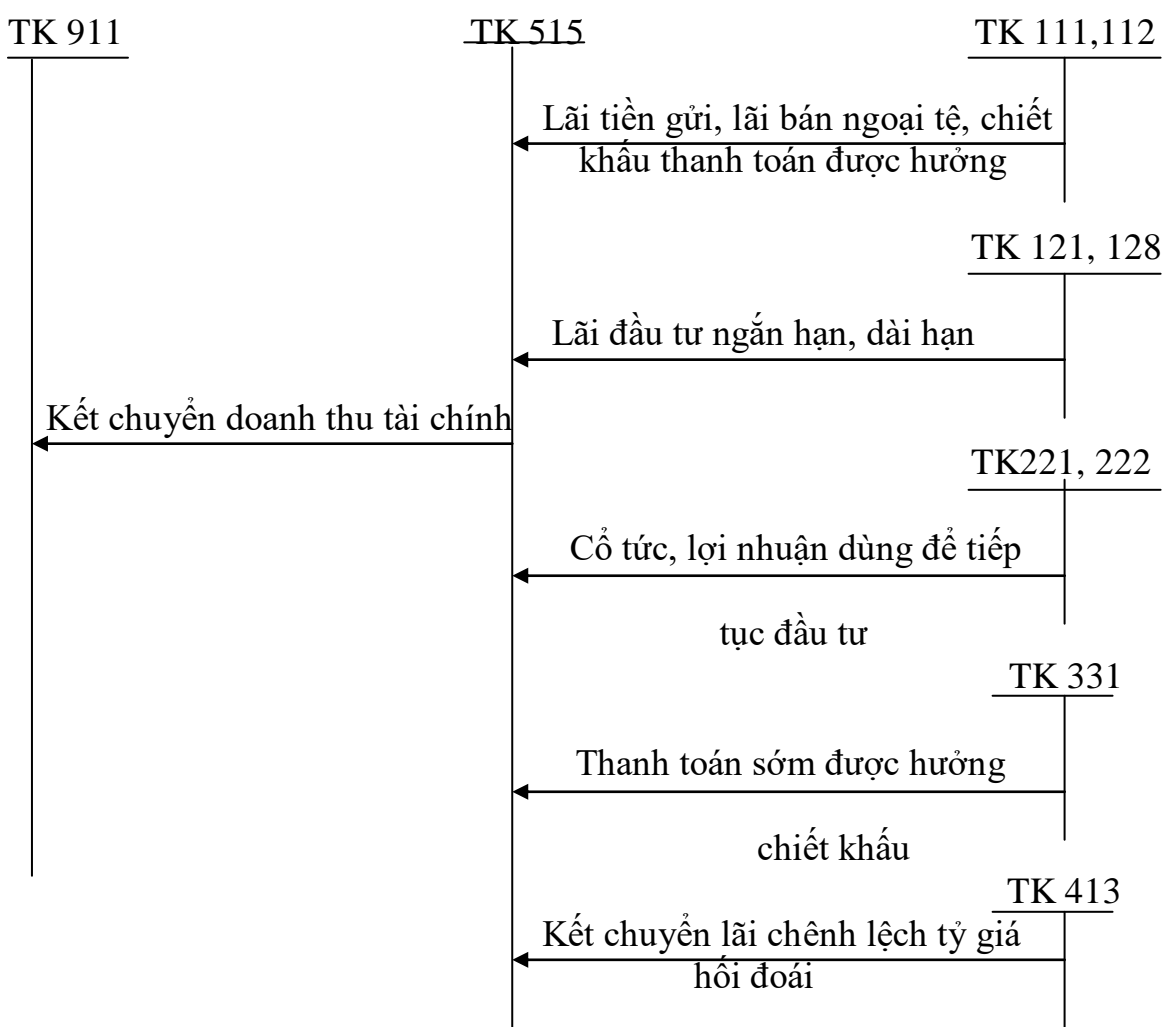
\* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 : doanh thu hoạt động tài chính : Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

\* Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 515	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 “ xác định kết quả kinh doanh”		- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 515 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

\* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

**1.7.2 Kế toán chi phí tài chính**

## \* Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan

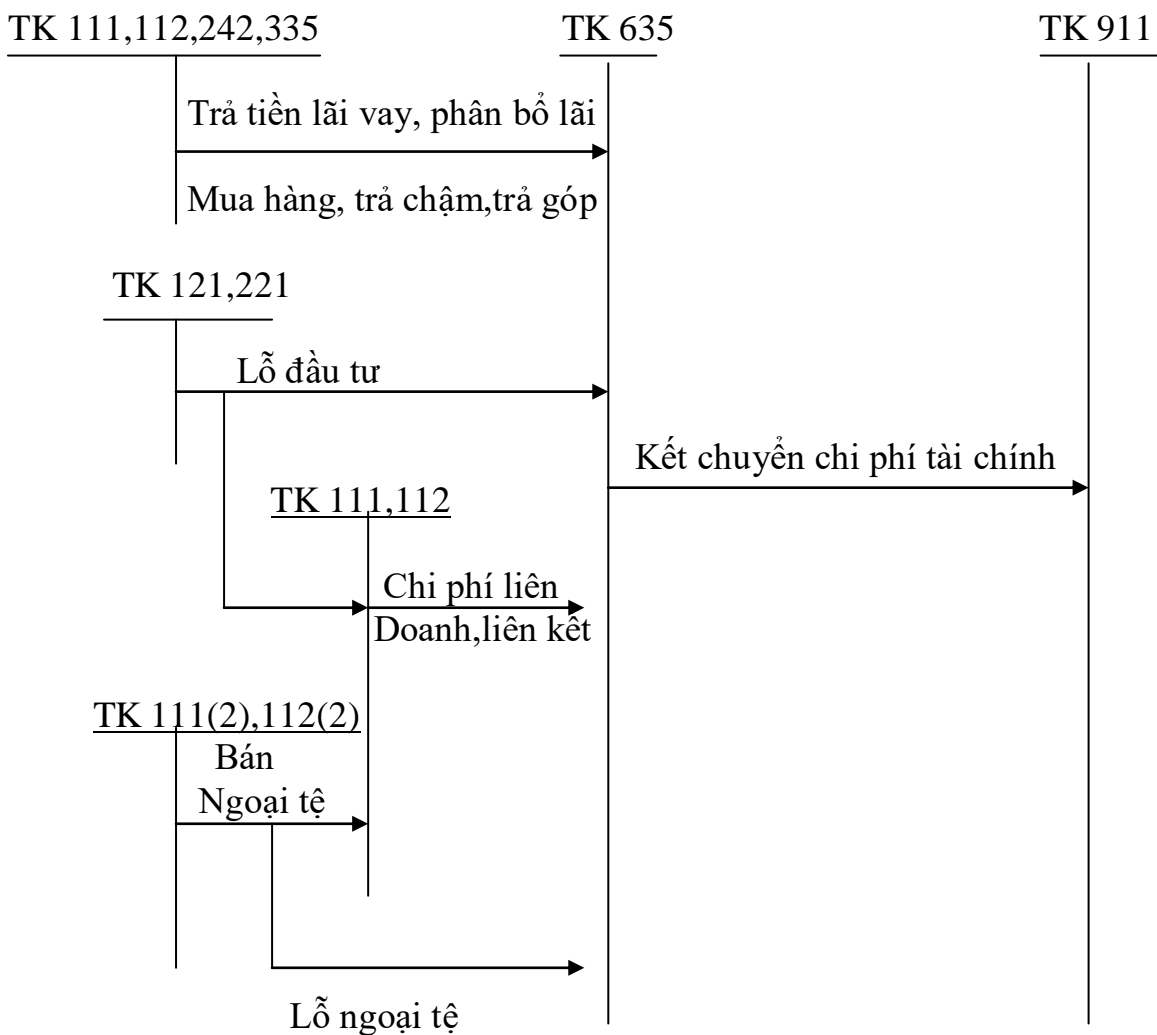
## \* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635 : Chi phí hoạt động tài chính : Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán ; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

## \* Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 635	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;</li> <li>- Lỗ bán ngoại tệ</li> <li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua;</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong trong kỳ; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá tiền tệ có gốc ngoại tệ lại cuối năm tài chính các khoản mục               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác</li> </ul> </li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữ số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm chưa sử dụng hết);</li> <li>- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính</li> <li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển nhượng toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh</li> </ul>
<b>TỔNG SPS NỢ</b>		<b>TỔNG SPS CÓ</b>
<b>TÀI KHOẢN 635 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>		

## \* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

**1.8 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác**

\* Chứng từ sử dụng :

- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác liên quan

\* Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 711 :

+ Nội dung : tài khoản này phản ánh thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; khoản tiền thưởng của khách hàng

liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có), thu nhập từ quà biếu, tặng, bằng tiền mặt, hiện vật của các tổ chức, các cá nhân tặng cho doanh nghiệp, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên sổ, năm nay mới phát hiện ra...

+ Kết cấu :

NỢ	TK 711	CÓ
<p>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp</p> <p>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</p>	<p>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</p>	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 711 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

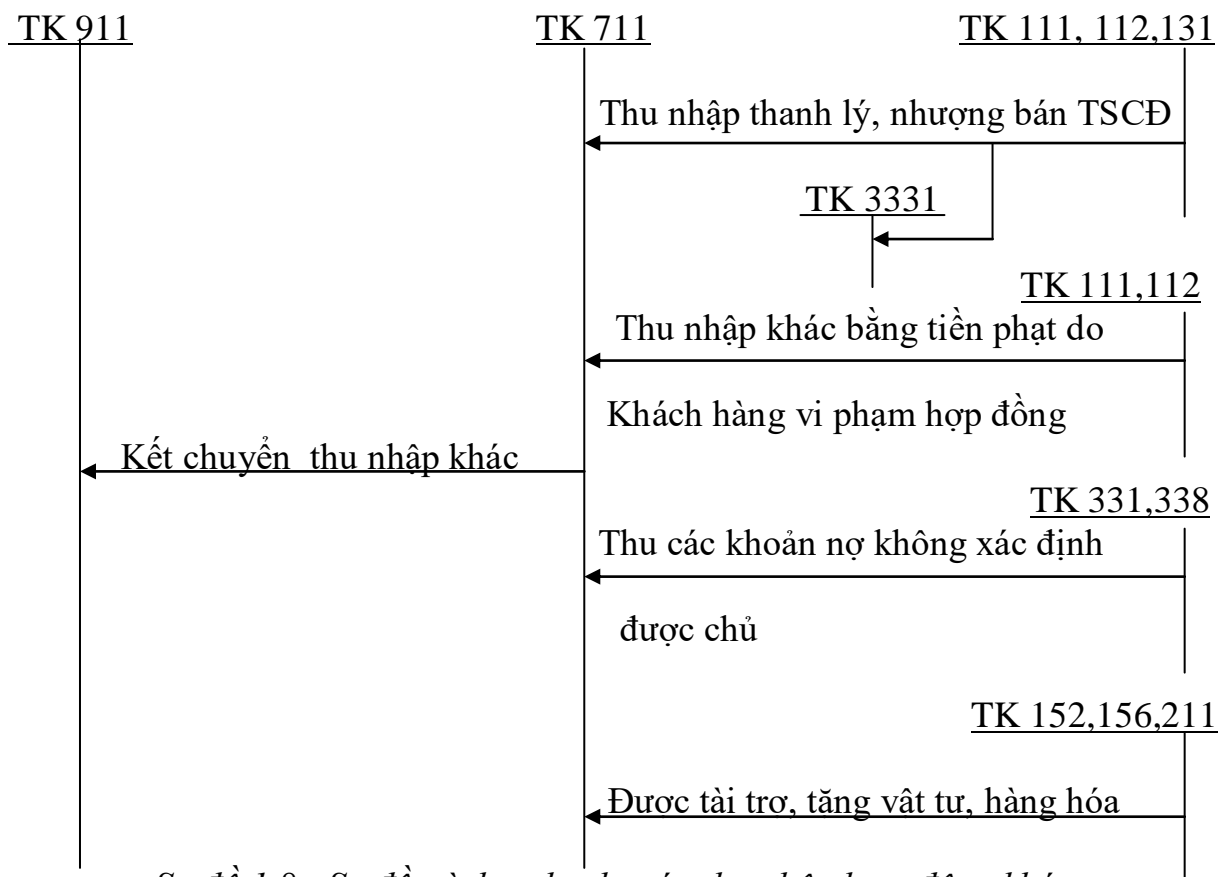
Tài khoản 811 :

+ Nội dung : Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán, nhượng bán TSCĐ (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế nộp, các khoản phí đó kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

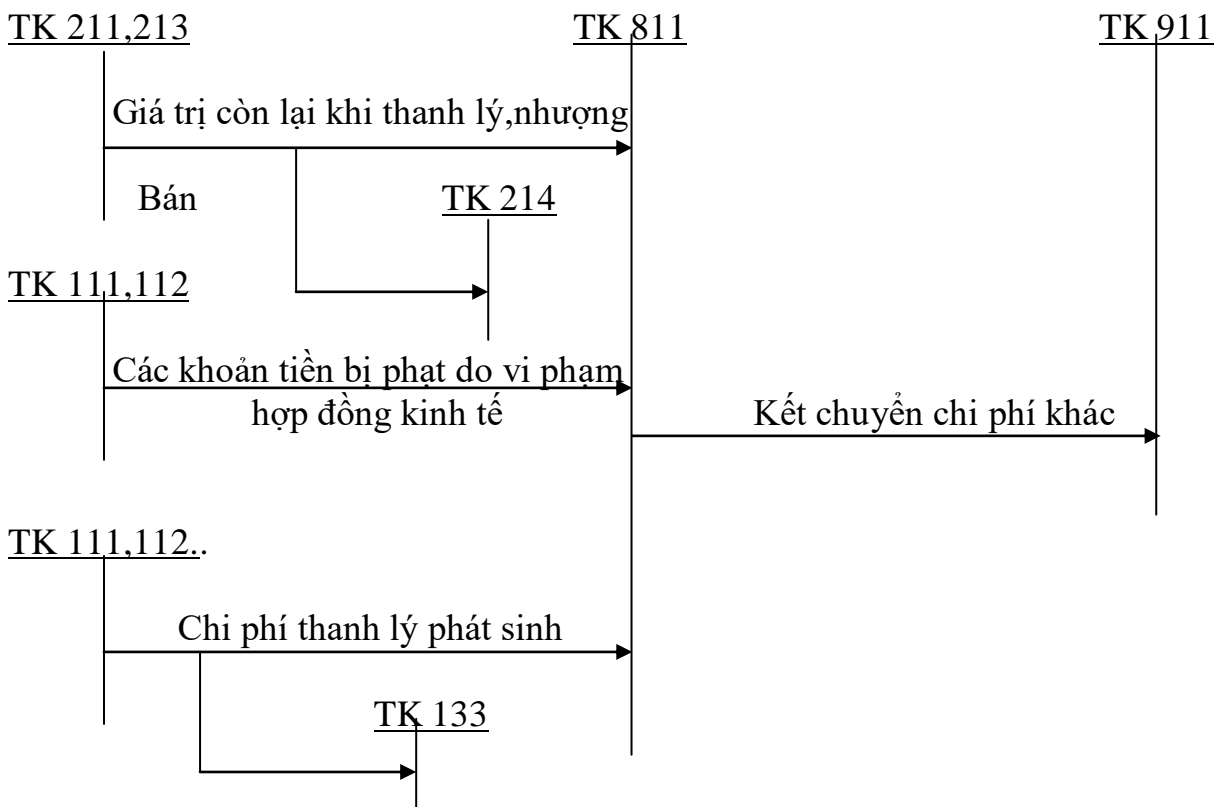
+ Kết cấu :

NỢ	TK 811	CÓ
<p>- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ</p>	<p>- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 .</p>	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 811 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

\* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác



Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác

## **1.9 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp**

\* Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác

\* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 ; Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Tài khoản 421 : tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh ( lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2 :

+ Tài khoản 4211 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước : Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của Tk 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang TK 4211” Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”

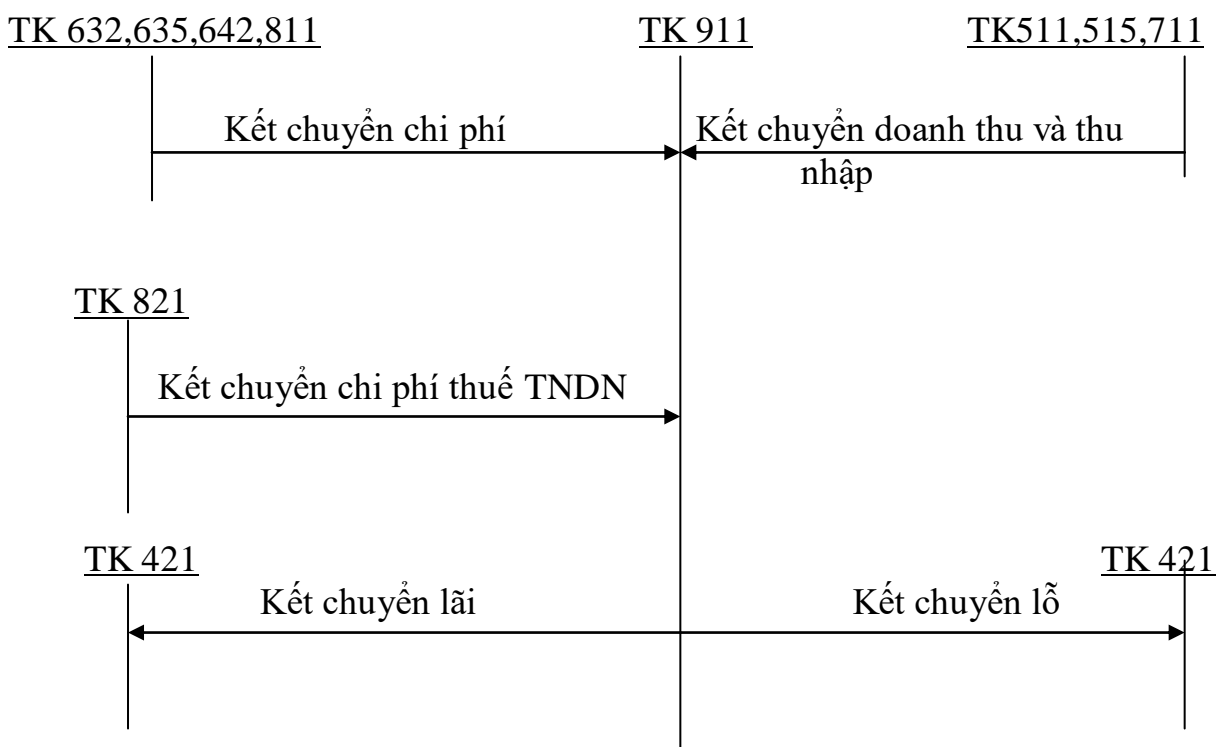
+ tài khoản 4212 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay : Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

- Tài khoản 821 : Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

• Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

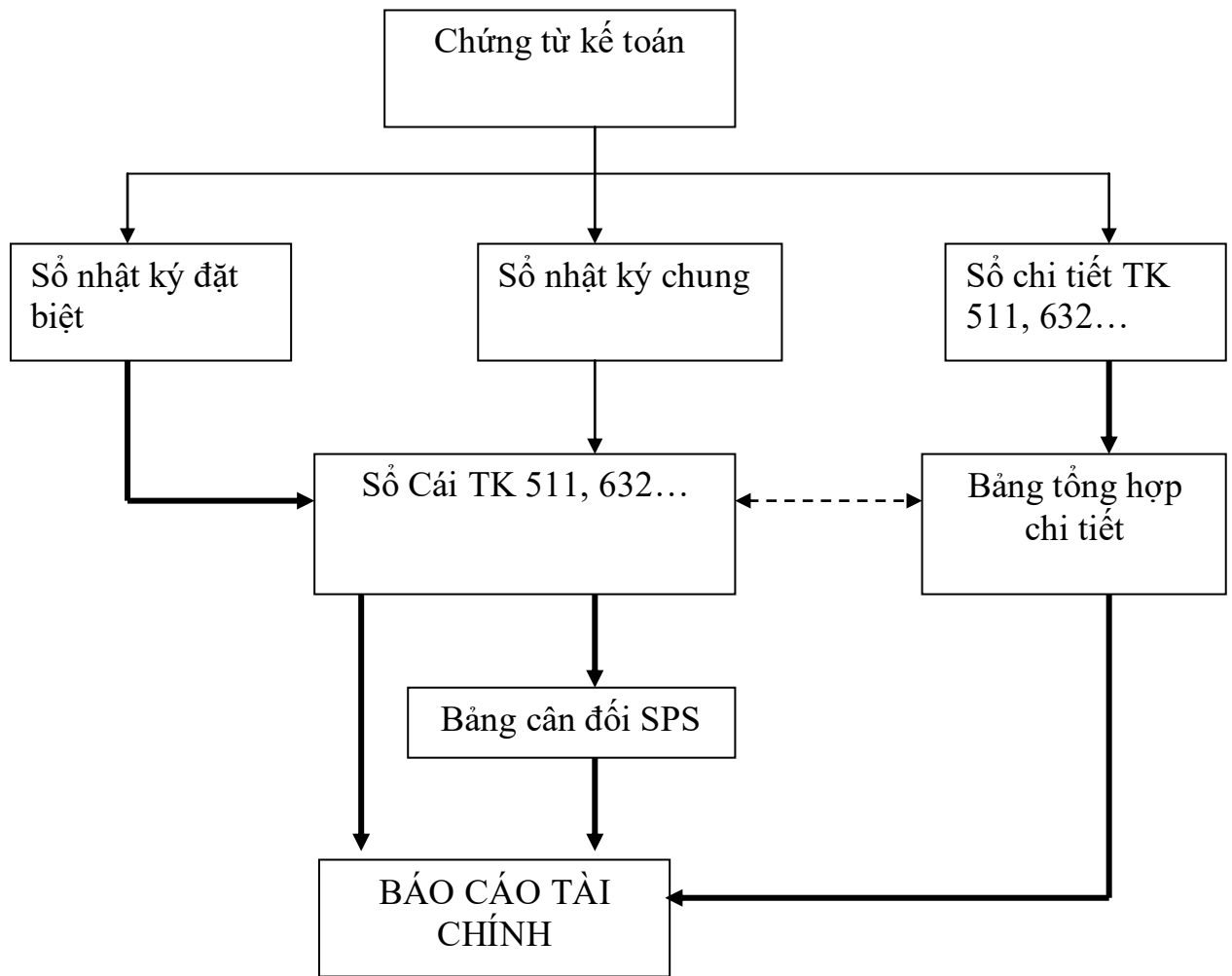
### 1.10 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành TT200/2014 của Bộ Tài Chính. Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau :

- Hình thức kế toán Nhật Ký Chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy



**1.10.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung**

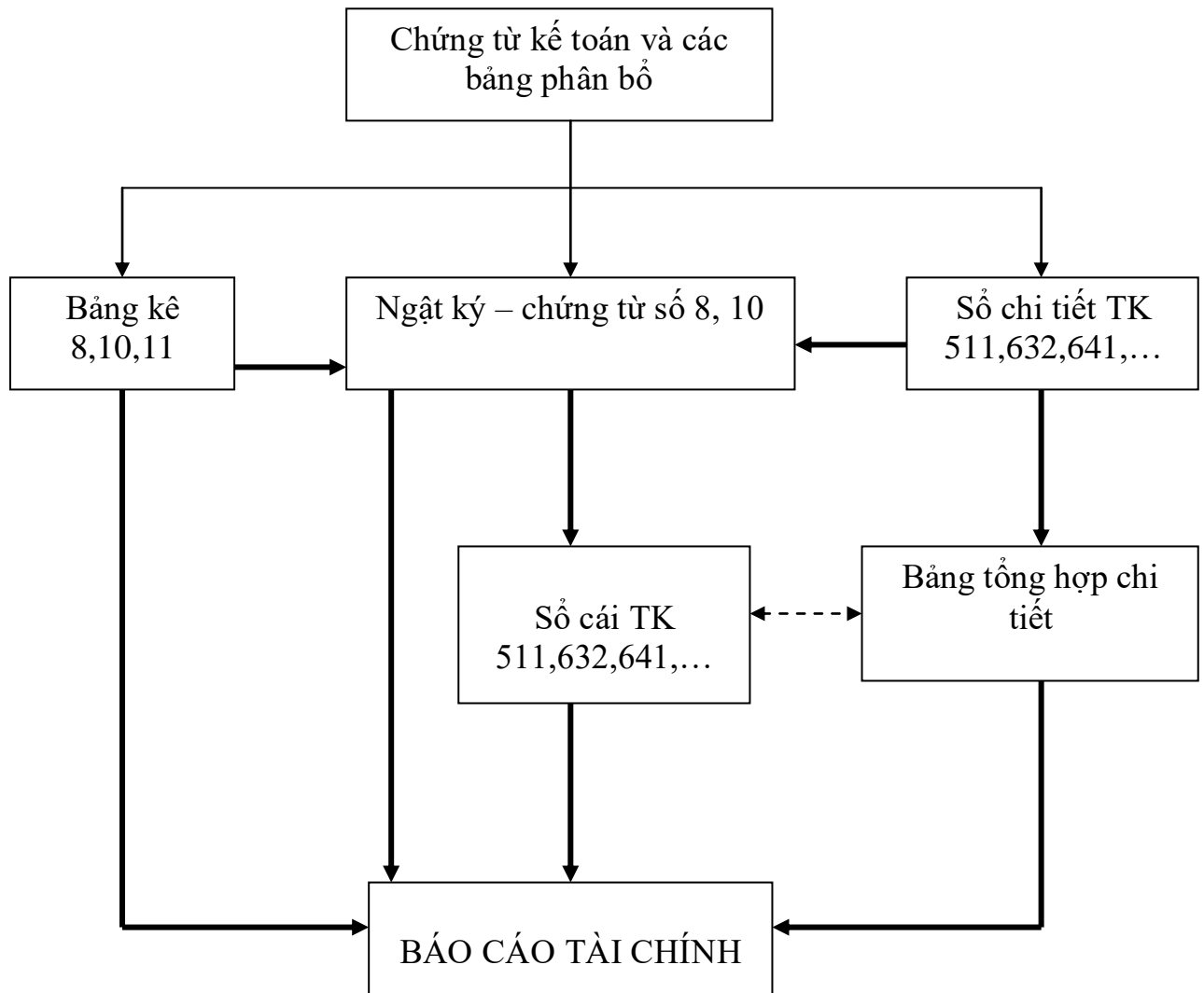


Ghi chú :

- > : Ghi hàng ngày
- > : Ghi định kỳ
- ←-----> : ĐỐI CHIẾU

*Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh theo hình Nhật ký chung*

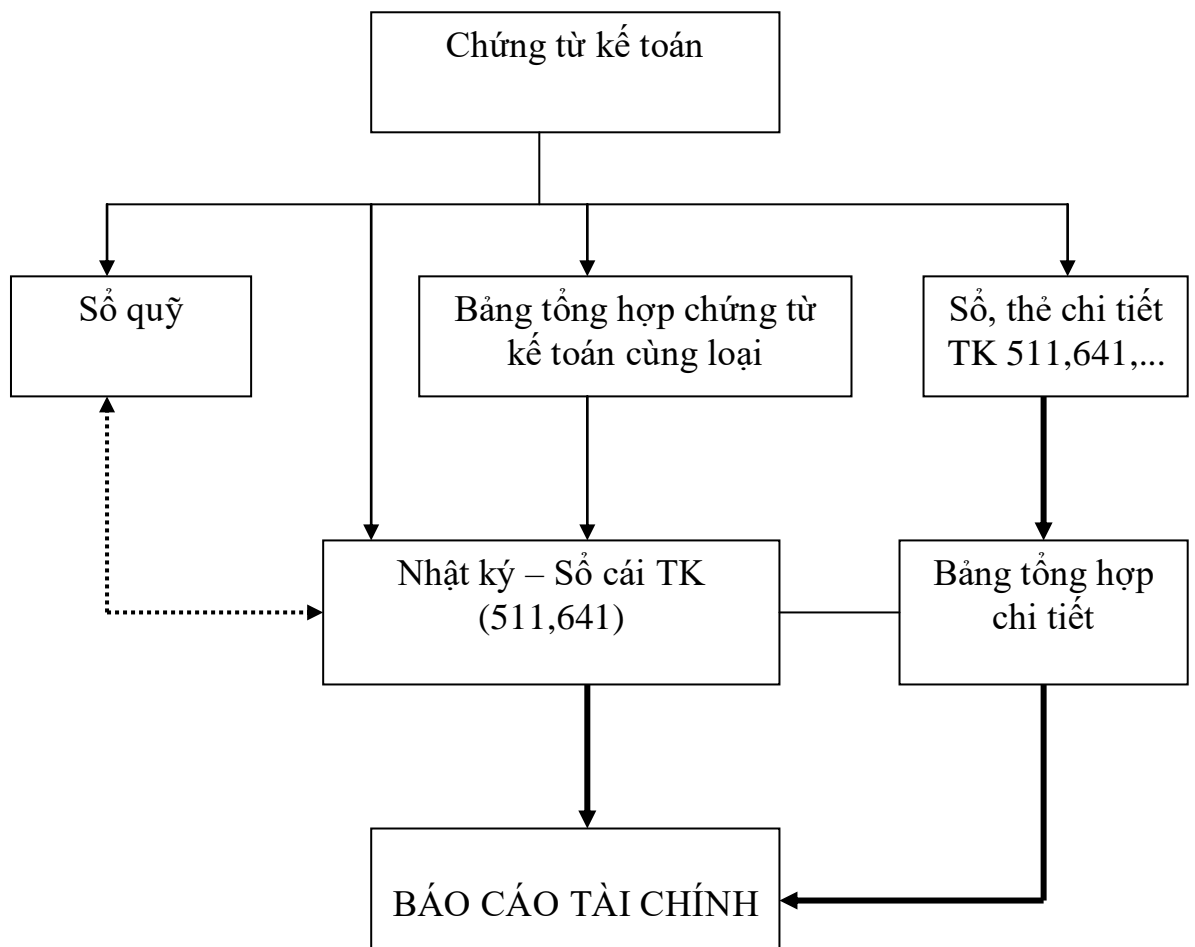
**1.10.2 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ**



Ghi chú :  
 —————> : Ghi hàng ngày  
 —————> : Ghi định kỳ  
 <-----> : Đối chiếu

*Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Chứng từ*

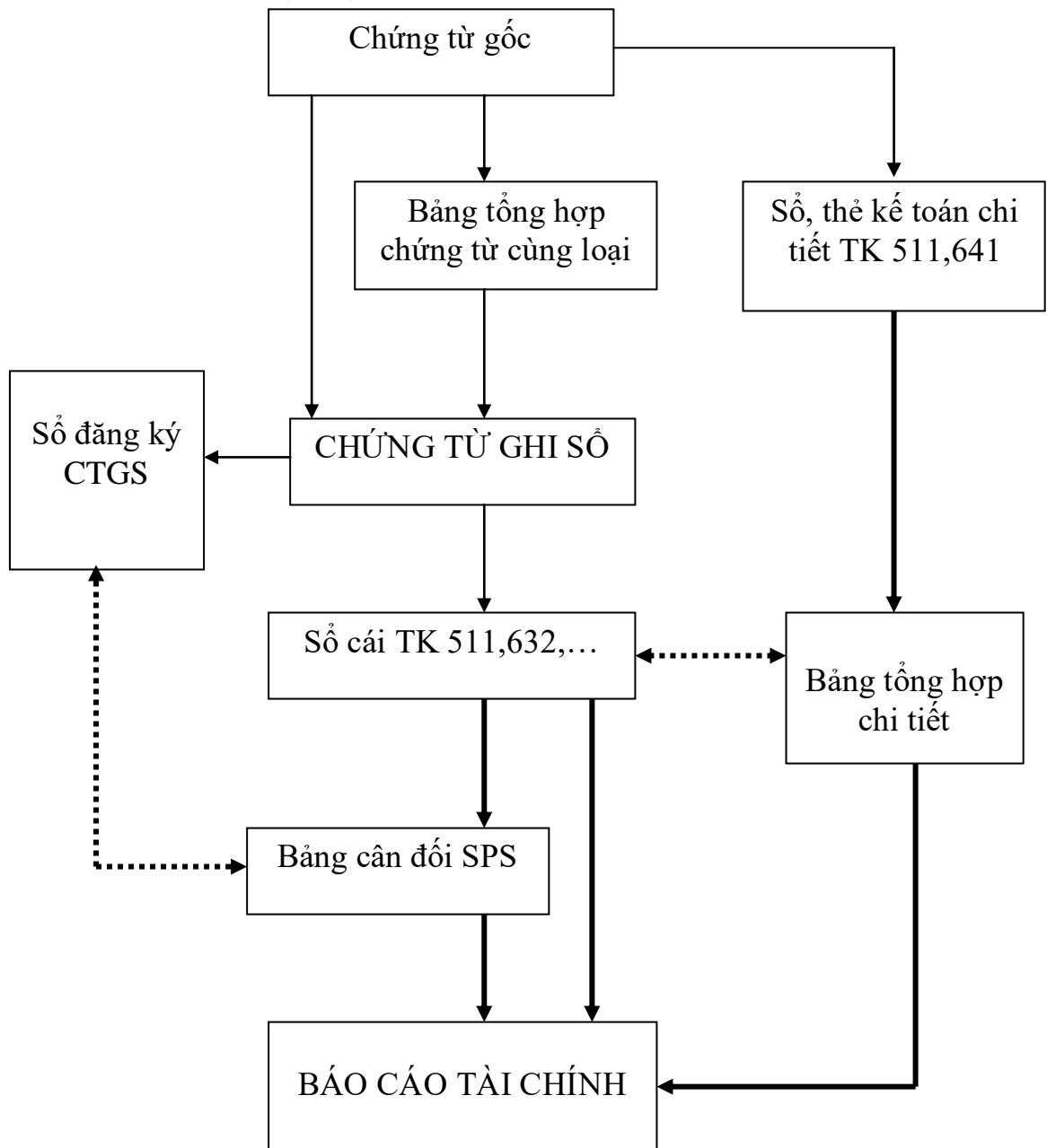
**1.10.3 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**



Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

- Ghi chú :
- > : Ghi hàng ngày
  - > : Ghi định kỳ
  - .....> : Đối chiếu

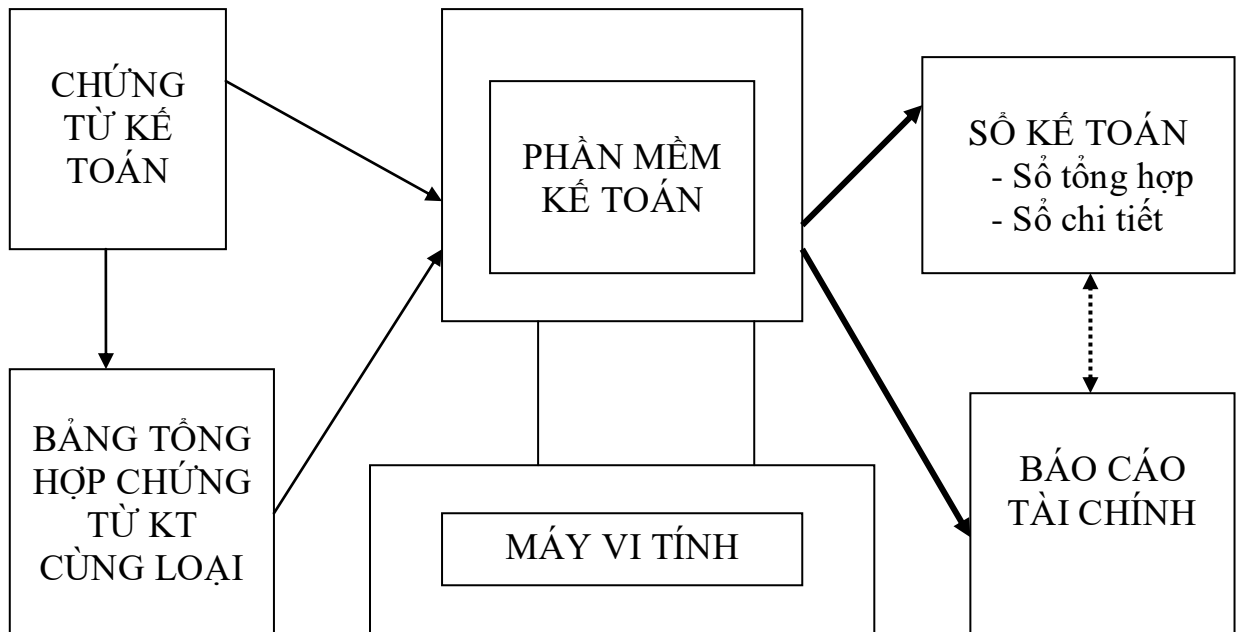
**1.10.4 Hình thức chứng từ ghi sổ**



*Sơ đồ 1.14 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ*

Ghi chú :   
 —————> : Ghi hàng ngày  
 —————> : Ghi định kỳ  
 <-----> : Đối chiếu

**1.10.5 Hình thức kế toán máy**



*Sơ đồ 1.15 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy*

- Ghi chú :
- > : Ghi hàng ngày
  - > : Ghi định kỳ
  - .....> : Đối chiếu

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH SINH**

**2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vĩnh Sinh.**

**2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Vĩnh Sinh**

- Tên tiếng việt : Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Sinh
- Tên giao dịch quốc tế : Industrial equipment and Construction Company
- Tên viết tắt : INECO
- Địa chỉ : Số 160 Đình Đông, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.
- Điện Thoại : 0225.3940.799
- Ngành nghề kinh doanh :
  - + Kinh doanh xe ô tô trộn bê tông và máy xây dựng
- Vốn điều lệ : 3.000.000.000 VNĐ

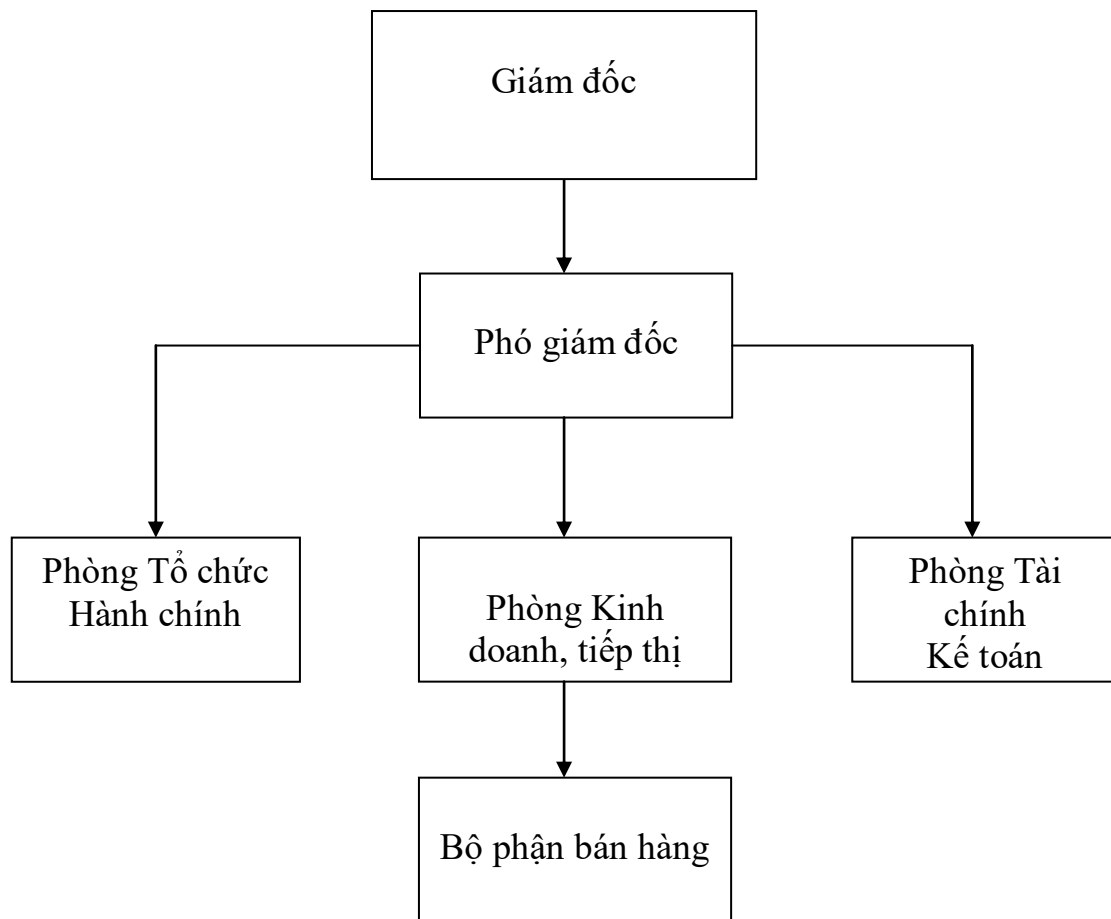
**Biểu số 2.1 : Một số chỉ tiêu tài chính tại công ty TNHH Vĩnh Sinh**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
- Doanh thu thuần	96,633,550,729	71,768,781,816
- Giá vốn hàng bán	94,314,097,604	69,331,480,363
- Tổng LNTT	2,319,453,125	2,037,301,453
- Thu nhập bình quân	6,500,000	6,000,000

**2.1.2 Đặc điểm hàng hóa tổ chức kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh**

**2.1.3 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh**

**2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.**



a) Chức năng của các phòng ban :

- Giám đốc công ty : là người chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về mọi mặt của công ty, chịu trách nhiệm thực hiện điều hành công ty theo luật Doanh nghiệp.

- Phó giám đốc : là người giúp việc cho giám đốc giải quyết các công việc mà giám đốc giao, chịu trách nhiệm trước giám đốc về công việc được giao kể cả ủy quyền khi giám đốc đi vắng, thường trực giải quyết các công việc được giao , duy trì giao ban theo lịch trình quy định, chịu trách nhiệm thực hiện theo luật Doanh nghiệp.

- Các phòng nghiệp vụ : giúp việc cho giám đốc về các mặt chuyên môn nghiệp vụ chịu trách nhiệm theo luật Doanh nghiệp.

\* Phòng Tổ chức hành chính :

- Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty trong lĩnh vực quản trị hành chính:

- Giúp việc cho giám đốc trong công tác tổ chức nhân sự, tham mưu sắp xếp, đào tạo đội ngũ CBNV, quản lý hồ sơ CBCNV, thực hiện chính sách lao động tiền lương và các chế độ mà Nhà nước ban hành đối với người lao động.

- Tham mưu xây dựng nội quy, quy chế hoạt động của Công ty,

- Thực hiện công tác văn thư, bảo mật, bảo quản và sử dụng con dấu, lưu trữ tài liệu theo quy định.

- Tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ và bất thường của Công ty khi ban Giám đốc yêu cầu.

\* Phòng Tài chính kế toán :

- Tham mưu cho Ban Giám đốc về mặt định tính cũng như định lượng của các hoạt động kinh doanh diễn ra tại Công ty trong một thời gian cụ thể.

- Phản ánh trung thực và tổng thể một bức tranh về hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh.

- Hướng dẫn nhân viên kế toán phụ thuộc tuân thủ nguyên tắc kế toán thống nhất của Công ty.

\* Phòng Kinh doanh, tiếp thị :

- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu tiếp thị, quảng cáo, cung ứng dịch vụ, tổ chức kinh doanh

Xây dựng kế hoạch và thực hiện chỉ tiêu bán xe của phòng, nhóm.

- Lập kế hoạch, tổ chức triển khai các hoạt động Marketing, phát triển thị trường, bán xe tại đơn vị.

- Tổng hợp, phân tích thị trường, sản phẩm, đối thủ cạnh tranh.

- Tiếp nhận và triển khai các chính sách bán hàng, sản phẩm đến bộ phận kinh doanh.

- Phân công, giao việc, giám sát thực hiện công việc, quy trình, quy định, chính sách bán hàng của các nhóm bán hàng.

- Hỗ trợ, trực tiếp tham gia giải quyết các vướng mắc trong hoạt động bán hàng của nhân viên và bộ phận.



- Quản lý, duy trì các mối quan hệ với khách hàng, đối tác của phòng và Công ty.

\* Bộ phận bán hàng : bán sản phẩm dịch vụ của công ty thông qua các cuộc giao dịch, tiếp xúc trực tiếp, giao dịch qua điện thoại hay những dịch vụ khách hàng như: thư từ, tư vấn, gặp gỡ cá nhân,...

### **2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Vĩnh Sinh**

- Chế độ kế toán áp dụng : Thông tư 200/2014/TT –BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ tài Chính

- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12

- Đơn vị tiền tệ sử dụng : Đồng Việt Nam

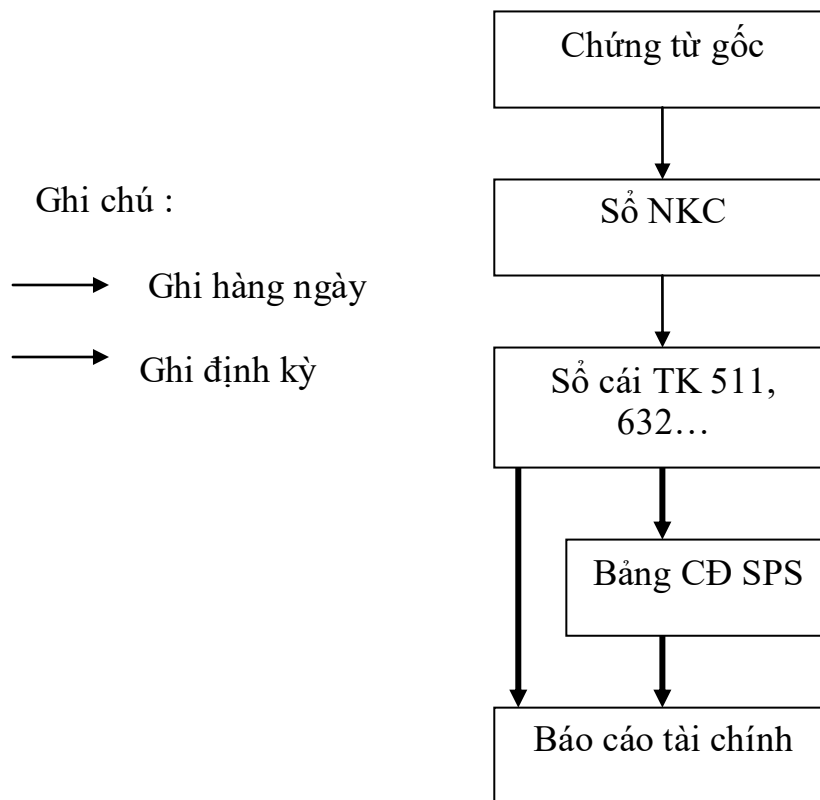
- Phương pháp tính thuế GTGT : phương pháp khấu trừ

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho : nhập trước – xuất trước

- Phương pháp khấu hao ; phương pháp đường thẳng

- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung



*Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại công ty TNHH Vĩnh Sinh*

## 2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Vĩnh Sinh

### 2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Vĩnh Sinh

#### 2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- \* Chứng từ sử dụng :
  - Hóa đơn GTGT
  - Bảng kê bán lẻ hàng hóa
  - Chứng từ thanh toán : Phiếu thu, Giấy báo có...
- \* Các sổ sách liên quan :
  - Sổ nhật ký chung
  - Sổ cái TK 511

Ví dụ minh họa

VD 1 : Ngày 15/12 công ty xuất bán 1 ô tô trộn bê tông 12m<sup>3</sup> nhãn hiệu Howo cho công ty cổ phần thương mại ô tô Hà Nội đơn giá 1.254.545.455 (chưa VAT), chưa thanh toán

Định Khoản : Nợ TK 131 : 1.380.000.000

Có TK 511 : 1.254.545.455

Có TK 3331 : 125.454.545

Căn cứ vào HD0000280 ( Biểu số 2.2) kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung ( Biểu số 2.7)

*Biểu số 2.2 Hóa đơn GTGT số HD0000280***HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Mẫu số : 01GTKT3/001**

Liên 3 : Lưu nội bộ

Ký hiệu : AA/16P

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Số 0000280

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH SINH

Mã số thuế : 0200436160

Đại chỉ : Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công ty cổ phần thương mại ô tô Hà Nội

Mã số thuế : 0107485928

Đại chỉ : Số 21 ngõ 286 đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Hình thức thanh toán :

STT	Tên HHDV	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô trộn bê tông 12m <sup>3</sup> . Nhãn hiệu Howo. Màu sơn : Trắng	Chiếc	01	1.254.545.455	1.254.545.455
Cộng tiền hàng					1.254.545.455
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		125.454.545
Tổng cộng tiền thanh toán					1.380.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

VD 2 : Ngày 26/11 xuất bán 1 ô tô trộn bê tông 9m<sup>3</sup> nhãn hiệu Howo cho công ty TNHH một thành viên Tân Thành 9 theo HD0000283 đơn giá 1.063.636.364 (VAT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản : Nợ TK 112 : 1.170.000.000

Có TK 511 : 1.063.636.364

Có Tk 3331 : 106.363.636

Căn cứ vào HD0000283 ( Biểu số 2.3) và giấy báo có ( Biểu 2.4) kê toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung ( biểu 2.7)

*Biểu số 2.3 Hóa đơn GTGT số HD0000283***HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Mẫu số : 01GTKT3/001**

Liên 3 : Lưu nội bộ

Ký hiệu : AA/16P

Ngày 26 tháng 12 năm 2016

Số 0000283

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH SINH

Mã số thuế : 0200436160

Đại chỉ : Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công ty TNHH Một Thành Viên Tân Thành 9

Mã số thuế : 2801158899

Đại chỉ : Số 134 Cao Sơn, Phường An Hoạch, Thành phố Thanh Hóa

Hình thức thanh toán : chuyển khoản

STT	Tên HHDV	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xê ô tô trộn bê tông 9m3. Nhãn hiệu Howo. Màu sơn : Trắng	Chiếc	01	1.063.636.364	1.063.636.364
Cộng tiền hàng					1.063.636.364
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		106.363.636
Tổng cộng tiền thanh toán					1.170.000.000

Số tiền viết bằng chữ : Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

*Biểu 2.4 : Giấy báo có của ngân hàng***GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 26/12/2016

Mã KH : 53321

Số GD : 670

Chi nhánh – CN Quận Lê Chân

**Kính gửi : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH SINH**

Mã số thuế: 0200436160

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có : 21137625

Số tiền bằng số : 1.170.000.000

Số tiền bằng chữ : Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn

Nội dung : Công ty TNHH Một Thành Viên Tân Thành 9 chuyển trả tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

VD 3 : Ngày 29/12/2016 xuất bán 1 máy đầm bê tông tay cho công ty cổ phần bê tông và xây dựng Quốc An theo HĐ 0000287 đơn giá 18.000.000 (VAT 10%). Thanh toán tiền mặt.

Định khoản : Nợ TK 111 : 19.800.000

Có TK 511 : 18.000.000

Có TK 3331 : 1.800.000

Căn cứ vào HD0000287 ( Biểu số 2.5) và Phiếu thu 23/12 ( Biểu 2.6) công ty tiến hành ghi sổ nhật ký chung ( biểu 2.7)

*Biểu số 2.5 Hóa đơn GTGT số HD0000287***HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Mẫu số : 01GTKT3/001**

Liên 3 : Lưu nội bộ

Ký hiệu : AA/16P

Ngày 29 tháng 12 năm 2016

Số 0000287

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH SINH

Mã số thuế : 0200436160

Đại chỉ : Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Quốc An

Mã số thuế : 2300783757

Đại chỉ : Thôn Chùa, xã Tăng Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

STT	Tên HHDV	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy đầm bê tông tay	Chiếc	01	18.000.000	18.000.000
Cộng tiền hàng					18.000.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		1.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.800.000

Số tiền viết bằng chữ : Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)



*Biểu số 2.6 : Phiếu thu*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH  
Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Mẫu số : 01 – TT

**PHIẾU THU**

Ngày 29 tháng 12 năm 2016

Quyển số: 05

Số: 255

Nợ TK 111

Có TK 511

Có TK 3331

Họ, tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Lan.....

Địa chỉ: Số 160 Đình Đông - Lê Chân - Hải Phòng.....

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua hàng .....

Số tiền: 19.800.000

Viết bằng chữ : Mười chín triệu tám trăm đồng chẵn / .....

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.....

Ngày 29 tháng 12 năm 2016

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, họ tên, đóng  
dấu)

**KẾ TOÁN  
TRƯỞNG**  
(Ký, họ tên)

**THỦ QUỸ**  
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI LẬP  
PHIẾU**  
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI NỘPTIỀN**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

*Biểu số 2.7: Sổ Nhật ký chung*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03a-DN

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***Sổ Nhật ký chung***

Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
15/12	HD0000280	15/12	Doanh thu bán ô tô trộn bê tông 12m <sup>3</sup>	131	1.380.000.000	
				511		1.254.545.455
				3331		125.454.545
...	...	...	...	...	...	...
26/12	HD0000283	26/12	Doanh thu bán ô tô trộn bê tông 9m <sup>3</sup>	112	1.170.000.000	
				511		1.063.636.364
				3331		106.363.636
...	...	...	...	...	...	...
29/12	HD0000287	29/12	Doanh thu bán máy đầm bê tông tay	111	19.800.000	
				511		18.000.000
				3331		1.800.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		887.671.446.462	887.671.446.462

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

*Biểu số 2.8: Sổ cái TK 511*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03b-DN

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI****Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Số hiệu : 511**

Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...	...	...	...	...	...	...
15/12	HD0000280	15/12	Doanh thu bán ô tô trộn bê tông	131		1.254.545.455
...	...	...	...	...	...	...
26/12	HD000283	26/12	Doanh thu bán ô tô trộn bê tông	112		1.063.636.364
...	...	...	...	...	...	...
29/12	HD000287	29/12	Doanh thu bán máy đầm bê tông	111		18.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 25	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	96.633.550.729	
			Cộng phát sinh		96.633.550.729	96.633.550.729
			<u>Số dư cuối năm</u>			

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

**2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán**

- \* Chứng từ sử dụng
- Phiếu xuất kho
- Bảng kê chi phí
- Các chứng từ có liên quan
- \* Sổ sách kế toán
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632, 156...

VD 1 : Ngày 15/12 công ty xuất bán 1 ô tô trộn bê tông nhãn hiệu Howo 12m<sup>3</sup> cho công ty cổ phần thương mại ô tô Hà Nội theo HĐ 0000280 (Biểu số 2.8). Dựa vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa ) (Biểu số 2.9) để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước. Kế toán lấy đơn giá 900.000.000đ ( do ngày 15/12 là lần đầu tiên xuất kho ô tô trộn bê tông 12m<sup>3</sup> để bán. Căn cứ vào phiếu xuất kho P XK 45 (Biểu số 2.10), kế toán định khoản giá vốn hàng bán :

Định Khoản : Nợ TK 632 : 900.000.000

Có TK 156 : 900.000.000

Từ đó ghi sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.15)

*Biểu số 2.9: Trích Sổ chi tiết vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số 02– VT

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải,

( Ban hành theo thông tư 200/2014 - BTC

Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ ( SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản : 156

Tên quy cách : xe ô tô trộn bê tông 12m<sup>3</sup>

Đơn vị tính : Chiếc

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		SDĐK		900.000.000					4	3.600.000.000
PXK 45	15/12	Xuất bán ô tô trộn bê tông 12m <sup>3</sup>	632				1	900.000.000		
		Cộng PS					1	900.000.000		
		SDCK							3	2.7000.000.000

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

*Biểu số 2.10 Phiếu xuất kho số 45*

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Mẫu số: 02 -VT

160 Đình Đông, phường Đông

( Ban hành theo thông tư 200/2014

Hải, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**Phiếu xuất kho**

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Nợ TK 632

Số: 45

Có TK156

Họ tên người nhận: Nguyễn Văn Tuấn.....

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng

Xuất tại kho: K1 .....

ĐVT: đồng

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất VT,DC,SP,HH	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				CT	TX		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Ô tô trộn bê tông nhãn hiệu Howo 12m3		Chiếc	1	1	900.000.000	900.000.000
Tổng cộng							900.000.000

Tổng tiền (viết bằng chữ): Chín trăm triệu đồng chẵn./

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

VD 2 Ngày 26/12 công ty xuất bán 1 ô tô trộn bê tông nhãn hiệu Howo 9m<sup>3</sup> cho công ty TNHH một thành viên Tân thành 9 theo HĐ 0000283 ( Biểu số 2.3). Dựa vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa ) (Biểu số 2.11) để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước. Kế toán lấy đơn giá 760.000.000 ( do ngày 26/12 là lần đầu tiên xuất kho bán ô tô trộn bê tông 9m<sup>3</sup>). Căn cứ phiếu xuất kho P XK 56 ( Biểu số 2.12), kế toán định khoản giá vốn hàng bán :

Định Khoản : Nợ TK 632 : 760.000.000

Có TK 156 : 760.000.000

Từ đó ghi sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.15)

*Biểu số 2.11 Sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa)*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số 02– VT

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải,

( Ban hành theo thông tư 200/2014 - BTC

Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ ( SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản : 156

Tên quy cách : xe ô tô trộn bê tông Howo 9m3

Đơn vị tính : Chiếc

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		SĐĐK		760.000.000					2	1.520.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	....	...	...
PXK 46	26/12	Xuất bán ô tô trộn bê tông 9m3	632				1	760.000.000		
		Cộng PS					1	760.000.000		
		SĐCK							1	760.000.000

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)



*Biểu số 2.12 Phiếu xuất kho số 56*

Công ty TNHH Vĩnh Sinh  
160 Đình Đông, phường Đông  
Hải, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Mẫu số: 02 -VT  
( Ban hành theo thông tư 200/2014  
-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**Phiếu xuất kho**

Ngày 26 tháng 12 năm 2016

Nợ TK 632

Số: 56

Có TK156

Họ tên người nhận: Nguyễn Văn Hà.....

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng

Xuất tại kho: K1 .....

ĐVT: đồng

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất VT,DC,SP,HH	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				CT	TX		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Ô tô trộn bê tông nhãn hiệu Howo 9m <sup>3</sup>		Chiếc	1	1	760.000.000	760.000.000
Tổng cộng							760.000.000

Tổng tiền (viết bằng chữ): Bảy trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./

Ngày 26 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu      Người nhận hàng      Thủ kho      Kế toán trưởng      Giám đốc  
(Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

VD 3 : Ngày 29/12/2016 xuất bán 1 ô máy đầm bê tông tay cho công ty cổ phần thương mại ô tô Hà Nội theo HD0000289. Dựa vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ (hàng hóa, sản phẩm) (Biểu số 2.13) để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước. Kế toán lấy đơn giá 12.000.000 ( do ngày 29/12 là lần đầu tiên xuất kho máy đầm bê tông tay để bán) Căn cứ vào phiếu xuất kho P XK 67 (Biểu số 2.14), kế toán định khoản giá vốn hàng bán:

Định khoản : Nợ TK 632 : 12.000.000

Có TK 156 : 12.000.000

Từ đó kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.15)

*Biểu số 2.13 Trích sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa)*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải,

Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 02- VT

( Ban hành theo thông tư 200/2014 - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ ( SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2016

Tài khoản : 156

Tên quy cách : máy đầm bê tông tay

Đơn vị tính : Chiếc

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		SĐĐK		12.000.000					3	36.000.000
PXK 67	29/12	Xuất bán máy đầm bê tông tay	632	12.000.000			1	12.000.000		
		Cộng PS					1	12.000.000		
		SDCK							2	24.000.000

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

*Biểu số 2.14 Phiếu xuất kho số 67*

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Mẫu số: 02 -VT

160 Đình Đông, phường Đông

( Ban hành theo thông tư 200/2014

Hải, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**Phiếu xuất kho**

Ngày 29 tháng 12 năm 2016

Nợ TK 632

Số: 67

Có TK156

Họ tên người nhận: Trần Văn Hà.....

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng

Xuất tại kho: K1 .....

ĐVT: đồng

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất VT,DC,SP,HH	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				CT	TX		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy đầm bê tông tay		Chiếc	1	1	12.000.000	12.000.000
Tổng cộng							12.000.000

Tổng tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu đồng chẵn./

Ngày 29 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

*Biểu số 2.15 Trích sổ Nhật ký chung*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03a-DN

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
					Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
15/12	PXK 45	15/12	Gía vốn xe ô tô trộn bê tông 12m <sup>3</sup>	632	900.000.000	
				156		900.000.000
26/12	PXK 56	26/12	Gía vốn xe ô tô trộn bê tông 9m <sup>3</sup>	632	760.000.000	
				156		760.000.000
29/12	PXK 67	29/12	Gía vốn máy đầm bê tông tay	632	12.000.000	
				156		12.000.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm		887.671.446.462	887.671.446.462

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái Tk 632 ( Biểu số 2.16)

*Biểu số 2.16 : Trích Sổ Cái 632*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03b -DN

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC

Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính : VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
..	...	...	...	...	...	...
15/12	PXK 45	15/12	Giá vốn xe ô tô trộn bê tông 12m <sup>3</sup>	156	900.000.000	
26/12	PXK 56	26/12	Giá vốn xe ô tô trộn bê tông 9m <sup>3</sup>	156	760.000.000	
29/12	PXK 67	29/12	Giá vốn máy đầm bê tông tay	156	12.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		94.314.097.604
			Cộng phát sinh năm		94.314.097.604	94.314.097.604
			Số dư cuối năm			

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

**2.2.1.3 Kế toán bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

\* Các chứng từ sử dụng :

- Bảng lương, bảng phân bổ lương
- Bảng phân bổ chi phí trả trước
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác liên quan...

\* Sổ sách kế toán

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 641
- Sổ cái TK 642

\* Ví dụ minh họa

VD1 : Ngày 8/12 công ty tiến hành thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông tháng 11 của công ty theo HD00001565. Số tiền ghi trên hóa đơn là 1.089.900 ( VAT 10%)

Định khoản : Nợ TK 642 : 999.000

Nợ TK 133 : 99.900

Có TK 111 : 1.089.000

Căn cứ vào HD0001565 ( Biểu 2.17) công ty tiến hành lập phiếu chi PC15/12 ( Biểu số 2.18). Dựa trên hóa đơn và phiếu chi công ty tiến hành ghi sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.24)

*Biểu số 2.17 : Hóa đơn dịch vụ viễn thông***HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Telecommunication service invoice

Mẫu số

01GTKT0/001

Ký hiệu : BB/16E

Số : 0001565

Viễn thông : Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0200954529

Địa chỉ : Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tên khách hàng : Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Địa chỉ : Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Số thuê bao

Số code :

Hình thức thanh toán :

Mã số thuế : 0200129748

STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước dịch vụ viễn thông tháng 11				999.000
Cộng tiền dịch vụ					999.000
Thuế suất : 10%		Tiền thuế GTGT			99.900
Tổng tiền thanh toán					1.098.900
Số tiền ( bằng chữ ) : Một triệu không trăm chín mươi tám nghìn chín trăm đồng.					

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Người nộp tiền

Nhân viên giao dịch

( ký, họ tên )

( Ký, họ tên )

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh )



*Biểu số 2.18 : Phiếu chi*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : 02 – TT

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**PHIẾU CHI**

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Quyển số: 06

Số: 155

Nợ TK 642

Nợ TK 133

Có TK 111

Họ, tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Bình .....

Địa chỉ: Công ty viễn thông VNPT Hải Phòng .....

Lý do nộp: Chi trả tiền cước viên thông tháng 11 .....

Số tiền: 1.098.900

Viết bằng chữ : Một triệu không trăm chín mươi tám nghìn chín trăm đồng /

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.....

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, họ tên, đóng  
dấu)

**KẾ TOÁN  
TRƯỞNG**  
(Ký, họ tên)

**THỦ QUỸ**  
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI LẬP  
PHIẾU**  
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI NHẬN  
TIỀN**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Ví dụ 2 : Ngày 15/12 công ty thanh toán bằng tiền mặt về chi phí in ấn pano, áp phích cho công ty TNHH quảng cáo Vinh Quang theo HD0000457 phục vụ quảng cáo bán hàng. Số tiền ghi trên hóa đơn là 2.838.000 ( VAT 10%)

Định khoản : Nợ TK 641 : 2.580.000

Nợ TK 133 : 258.000

Có TK 111 : 2.838.000

Dựa vào hóa đơn HD 0000457 ( Biểu số 2.19) kế toán tiến hành lập phiếu chi PC 15/12 ( Biểu số 2.20). Căn cứ vào hóa đơn và phiếu chi kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.25)

## Biểu số 2.19 Hóa đơn GTGT số HD0000457

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Mẫu số : 01GTKT3/001**

Liên 2 : Giao người khách hàng

Ký hiệu AA/16P

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Số 0000457

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH quảng cáo Vinh Quang

Mã số thuế : 0201316606

Địa chỉ :

Họ tên người mua hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH SINH

Mã số thuế : 0200436160

Địa chỉ : Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Hình thức thanh toán : tiền mặt

STT	Tên HHDV	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí in ấn pano, áp phích.	mét	10	258.000	2.580.000
Cộng tiền hàng					2.580.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		258.000
Tổng cộng tiền thanh toán					2.838.000

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu tám trăm ba tám nghìn đồng.

Người mua hàng  
(Đã ký)Người bán hàng  
(Đã ký)Kế toán  
(Đã ký)Thủ trưởng đơn vị  
(Đã ký)

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

*Biểu số 2.20 : Phiếu chi*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : 02 – TT

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**PHIẾU CHI**

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Quyển số: 06

Số: 155

Nợ TK 641

Nợ TK 133

Có TK 111

Họ, tên người nhận tiền : Bùi Văn Minh .....

Địa chỉ: Công ty TNHH quảng cáo Quang Vinh.....

Lý do nộp: Chi trả tiền in ấn quảng cáo .....

Số tiền: 2.838.000

Viết bằng chữ : Hai triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng /.....

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.....

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

GIÁM ĐỐC  
(Ký, họ tên, đóng  
dấu)KẾ TOÁN  
TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)THỦ QUỸ  
(Ký, họ tên)NGƯỜI LẬP  
PHIẾU  
(Ký, họ tên)NGƯỜI NHẬN TIỀN  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền ( bằng chữ) : Hai triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng.

Tỷ giá ngoại tệ :

Số tiền quy đổi :

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Ví dụ 3 : Ngày 31/12 công ty tiến hành tính tiền lương phải trả cho công nhân viên từ đó tiến hành lập bảng phân bổ và các khoản trích theo lương ( Biểu 2.23). Căn cứ vào bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.24)

*Biểu 2.21 : Bảng tính và phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương*

Đơn vị: Công ty TNHH Vĩnh Sinh  
Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải,  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số : 11 – LĐTL  
(Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**Bảng tính và phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tháng 12 năm 2016

TK	Tổng lương	Lương tính bảo hiểm	Tính vào chi phí Doanh nghiệp				Cộng	Người lao động chịu				Cộng có 338
			BHXH (18%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)		BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	Cộng	
TK 641	20.450.000	18.725.000	3.370.500	561.750	187.250	374.500	4.494.000					4.494.000
TK 642	56.500.000	48.685.000	8.763.300	1.460.550	486.850	973.700	11.684.400					11.684.400
TK 334								5.392.800	1.011.150	670.410	7.074.360	7.074.360
<b>Tổng</b>	<b>76.950.000</b>	<b>67.410.000</b>	<b>12.133.800</b>	<b>2.022.300</b>	<b>674.100</b>	<b>1.348.200</b>	<b>16.178.400</b>	<b>5.392.800</b>	<b>1.011.150</b>	<b>670.410</b>	<b>7.074.360</b>	<b>23.252.760</b>

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

VD4 : Ngày 31/12 công ty tiến hành trích khấu hao tháng 12 từ đó lập bảng phân bổ khấu hao ( Biểu số 2.24). Căn cứ vào bảng phân bổ khấu hao kế toán tiến hành ghi sổ Nhật Ký chung ( Biểu số 2.25)

*Biểu số 2.22 : Trích bảng tính và phân bổ khấu hao*

Đơn vị: Công ty TNHH Vĩnh Sinh  
Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải,  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số : 06 - TSCĐ  
(Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

#### BẢNG TRÍCH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO

Tên TSCĐ	Nguyên giá Thời gian SD	Thời gian sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK 641	TK 642
			Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Số khấu hao trích tháng trước		156.535.455.831	104.492.780	36.247.223	68.245.557
2	Số khấu hao tăng tháng này					
3	Số khấu hao giảm tháng này					
4	Số khấu hao trích tháng này		156.535.455.831	104.492.780	36.247.223	68.245.557

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

## Biểu số 2.23 : Trích sổ Nhật ký chung 2016

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03a-DN

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

## TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
08/12	HD 0001565	08/12	Thanh toán tiền cước viễn thông	642	999.000	
				133	99.900	
				111		1.098.900
...	...	...	...	...	...	...
15/12	HD 0000457	15/12	Thanh toán tiền in ấn pano, áp phích	641	2.580.000	
				133	258.000	
				111		2.838.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBL T12	31/12	Thanh toán lương tháng 12	641	20.450.000	
				642	56.500.000	
				334		76.950.000
31/12	BPBL T12	31/12	Các khoản trích theo lương tháng 12	641	4.494.000	
				642	11.684.400	
				334	7.074.360	
				338		23.252.760
31/12	BPBKH T12	31/12	Bảng phân bổ khấu hao tháng 12	641	36.247.223	
				642	68.245.557	
				214		104.492.780
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm		887.671.446.462	887.671.446.462

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ( Biểu số 2.23) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 641 ( Biểu số .24) và sổ cái 642 ( Biểu số 2.25)

Biểu số 2.24 : Trích sổ cái tài khoản 641

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03b-DN

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 641

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTSH	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...	...	...	...	...	...	...
15/12	HD0001565	15/12	Thanh toán tiền in ấn pano, áp phích	111	2.580.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBL T12	31/12	Tính lương cho bộ phận bán hàng tháng 12	334	20.450.000	
31/12	BPBL T12	31/12	Các khoản trích theo lương tháng 12	338	4.494.000	
31/12	BPBKH T12	31/12	Khấu hao ở BPBH tháng 12	214	36.247.223	
31/12	PKT 26	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		976.210.780
			Cộng phát sinh năm		976.210.780	976.210.780
			<u>Số dư cuối năm</u>			

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)



*Biểu số 2.25: Trích sổ cái tài khoản 642*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03b-DN

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTSH	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...	...	...	...	...	...	...
08/12	HD0000457	08/12	Thanh toán cước viễn thông	111	999.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBL T12	31/12	Tính lương cho bộ phận QLDN tháng	334	56.500.000	
31/12	BPBL T12	31/12	Các khoản trích theo lương tháng 12	338	11.684.400	
31/12	BPBKH T12	31/12	Khấu hao ở QLDN tháng 12	214	68.245.400	
31/12	PKT 26	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		884.156.495
			Cộng phát sinh năm		884.156.495	884.156.495
			<u>Số dư cuối năm</u>			

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

## 2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Vĩnh Sinh.

- \* Chứng từ sử dụng
- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ liên quan...

- \* Sổ sách kế toán
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 515, 635

- \* Phương pháp hạch toán

VD1 : Ngày 31/12 nhận được thông báo về số tiền lãi nhập gốc tháng 12 từ ngân hàng, số tiền là 165.275

Định khoản : Nợ TK 112 : 165.275

Có TK 515 : 165.275

Căn cứ vào giấy báo có ( Biểu số 2.28) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.29)

*Biểu số 2.26 : Giấy báo có của ngân hàng Á Châu*

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 31/12/2016



Mã KH : 53321

Số GD : 7033

Chi nhánh – CN Quận Lê Chân

**Kính gửi : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨNH SINH**

Mã số thuế: 0200436160

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có : 21137625

Số tiền bằng số : 165.275

Số tiền bằng chữ : Một trăm sáu lăm nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng.

Nội dung : Lãi tiền gửi

Giao dịch viên

Kiểm soát

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

*Biểu số 2.27 : Trích sổ Nhật ký chung*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03a-DN

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính

: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	GBC703 3	31/12	Lãi nhập gốc	112 515	165.275	165.275
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm		887.671.446.462	887.671.446.462

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ( Biểu số 2.29) kế toán tiến hành ghi sổ cái tài khoản 515 ( Biểu số 2.30)

*Biểu số 2.28 Trích sổ cái tài khoản 515*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03b-DN

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTSH	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	GBC 7033	31/12	Lãi nhập gốc	112		165.275
31/12	PKT 25	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	4.454.694	
			Cộng phát sinh			4.454.694
			<u>Số dư cuối năm</u>			

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

### **2.2.3 Kế toán doanh thu và chi phí khác trong công ty TNHH Vĩnh Sinh**

Trong năm 2016 không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản 711, 811

### **2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh**

\* Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Sổ cái TK 911
- Sổ cái TK 821
- Sổ cái TK 421

\* Phương pháp hạch toán

Căn cứ số liệu trên khoản 511, 515, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán PKT 25 để phản ánh kết chuyển doanh thu, thu nhập như ( Biểu số 2.21) dưới đây :

*Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán số 25***PHIẾU KẾ TOÁN****Số 25**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	96.633.550.729
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.454.694
	Cộng			96.638.005.423

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ cái tài khoản 632, 641, 642 kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ – Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán PKT 26 để phản ánh việc kết chuyển kinh phí kinh doanh như (Biểu số 2.32) dưới đây :

*Biểu số 2.30 : Phiếu kế toán số 26***PHIẾU KẾ TOÁN****Số 26**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	632	94.314.097.604
2	Doanh thu hoạt động tài chính	911	641	976.210.780
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	884.156.495
	Cộng			96.174.464.879

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 25, 26 kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung như ( Biểu số 2.23)

*Biểu số 2.31 : Trích Sổ Nhật Ký Chung*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03a-DN

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
					Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển	511	96.633.550.729	
			doanh thu để	515	4.454.694	
			xác định KQKD	911		96.638.005.423
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi	911	96.174.464.879	
			phí để xác định	632		94.314.097.604
			KQKD	641		976.210.780
				642		884.156.495
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm		887.671.446.462	887.671.446.462

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ( Biểu 2.33) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 911  
(Biểu số ( 2.34)



*Biểu số 2.32 : Trích sổ cái tài khoản 911*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03b-DN

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Năm 2016

Đơn vị tính :

VNĐ

NTSH	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		96.633.550.729
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		4.454.694
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	94.314.097.604	
			Kết chuyển chi phí bán hàng	641	976.210.780	
			Kết chuyển chi phí QLDN	642	884.156.495	
			Cộng phát sinh năm		96.638.005.423	96.638.005.423
			<u>Số dư cuối năm</u>			

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ cái tài khoản 911( Biểu số 2.32) kế toán xác định được lợi nhuận trước thuế từ đó tiến hành lập phiếu kế toán số 27 phản ánh số thuế TNDN phải nộp năm 2016

*Biểu số 2.33 : Phiếu kế toán số 27***PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 27

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	92.708.109
	Cộng			

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào phiếu toán số 27 ( Biểu số 2.35) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung ( Biểu 2.36)

*Biểu số 2.34 Trích Sổ Nhật Ký Chung*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03a-DN

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
					Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu để xác định KQKD	511	96.633.550.729	
				515	4.454.694	
				911		96.638.005.423
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí để xác định KQKD	911	96.174.464.879	
				632		94.314.097.604
				641		976.210.780
				642		884.156.495
			Cộng phát sinh năm		887.671.446.462	887.671.446.462

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ cái tài khoản 821 ( Biểu số 2.35)

*Biểu số 2.35 : Sổ cái tài khoản 821*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03b-DN

Số 160 Đình Đông, phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản : Chi phí thuế TNDN

Số hiệu : 821

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTSH	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31/12	PKT27	31/12	Thuế TNDN phải nộp năm 2016	3334	92.708.109	
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2016	911		92.708.109
			Cộng phát sinh năm		92.708.109	92.708.109
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Căn cứ vào sổ cái tài khoản 821, kế toán xác định chi phí thuế TNDN cần kết chuyển, từ đó lập phiếu kế toán 28 phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2016 ( Biểu 2.38)

*Biểu số 2.36 : Phiếu kế toán*

## PHIẾU KẾ TOÁN

Số 28

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	92.708.109
	Cộng			92.708.109

Căn cứ vào phiếu kế toán số 28 kế toán ghi sổ Nhật Ký chung ( Biểu số 2.39)

*Biểu số 2.37 : Trích sổ Nhật ký chung*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03a-DN

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
					Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển	511	96.633.550.729	
			doanh thu để	515	4.454.694	
			xác định KQKD	911		96.638.005.423
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi	911	96.174.464.879	
			phí để xác định	632		94.314.097.604
			KQKD	641		976.210.780
				642		884.156.495
31/12	PKT27	31/12	Thuế TNDN	821	92.708.109	
			phải nộp 2016	3334		92.708.109
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển thuế	911	92.708.109	
			TNDN	821		92.708.109
			Cộng phát sinh năm		887.671.446.462	887.671.446.462

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái tài khoản 911 ( Biểu số 2.40)

*Biểu số 2.38 : Sổ cái tài khoản 911*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03b-DN

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC

Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911**

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
					Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		96.633.550.729
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		4.454.694
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	94.314.097.604	
			Kết chuyển chi phí bán hàng	641	976.210.780	
			Kết chuyển chi phí QLDN	642	884.156.495	
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	92.708.109	
31/12	PKT29	31/12	Lợi nhuận sau thuế	421	370.832.435	
			Cộng phát sinh năm		96.638.005.423	96.638.005.423
			<u>Số dư cuối năm</u>			

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ cái tài khoản 911, kế toán xác định số lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 từ đó lập phiếu kế toán 29 phản ánh việc kết chuyển lợi nhuận sau thuế

*Biểu số 2.39 : Phiếu kế toán 29*

## **PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 29

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	370.832.435
	Cộng			370.832.435

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung

( Biểu số 2.40)

*Biểu số 2.40 : Trích sổ Nhật ký chung*

Năm 2016

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số : S03a-DN

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải, (Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC  
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển	511	96.633.550.729	
			doanh thu để	515	4.454.694	
			xác định KQKD	911		96.683.005.423
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi	911	96.174.464.879	
			phí để xác định	632		94.638.097.604
			KQKD	641		976.210.780
				642		884.156.495
31/12	PKT27	31/12	Thuế TNDN	821	92.708.109	
			phải nộp 2016	3334		92.708.109
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển thuế	911	92.708.109	
			TNDN	821		92.708.109
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển lợi	911	370.832.435	
			nhuận sau thuế	421		370.832.435
			Cộng phát sinh		887.671.446.462	887.671.446.462

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái tài khoản 421 ( Biểu số 2.41)

*Biểu số 2.41 : Trích Sổ Cái TK 421***SỔ CÁI**

Tên tài khoản : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu : 421

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			135.420.066
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 29	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2016	911		370.832.435
			Cộng phát sinh			370.832.435
			<u>Số dư cuối năm</u>			506.252.501

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào các số tài khoản liên quan, kế toán lập Bảng cân đối tài khoản năm 2016 như ( Biểu 2.44) để kiểm tra tính chính xác của số liệu trước khi lập báo cáo tài chính.



Biểu số 2.42 : Trích bảng cân đối số phát sinh

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải,

Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S06 – DN

( Ban hành theo thông tư 200/2014 - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

## TRÍCH BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2016

SHTK	Tên tài khoản	SDDK		SPS		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	..
421	Lợi nhuận chưa phân phối		135.420.066		370.832.435		506.252.501
511	Doanh thu bán hàng			96.633.550.729	96.633.550.729		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			4.454.694	4.454.694		
632	Giá vốn hàng bán			94.314.097.604	94.314.097.604		
641	Chi phí bán hàng			976.210.780	976.210.780		
642	Chi phí QLDN			884.156.495	884.156.495		
821	Chi phí thuế TNDN			92.708.109	92.708.109		
911	Xác định KQKD			96.683.005.423	96.683.005.423		
	Tổng	16.252.479.810	16.252.479.810	887.671.446.462	887.671.446.462	14.075.467.550	14.075.467.550

( Nguồn : phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh)

Căn cứ vào sổ cái tài khoản 511 ( Biểu số 2.8) , tài khoản 515 ( Biểu số 2.30), tài khoản 632 ( Biểu số 2.16), tài khoản 641 ( Biểu số 2.26), tài khoản 642 ( Biểu số 2.27), kế toán lập **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016**

*Biểu số 2.43 : Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016*

Công ty TNHH Vĩnh Sinh

Mẫu số: B02-DN

160 Đình Đông, phường Đông

(Ban hành theo thông tư 200/2014-BTC

Hải, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH Năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		96.633.550.729	71.768.781.816
2	Các khoản giảm trừ	02			
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02 )</b>	<b>10</b>		<b>96.633.550.729</b>	<b>71.768.781.816</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		94.314.097.604	69.331.480.363
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về BH&amp;CCDV</b>	<b>20</b>		<b>2.319.453.125</b>	<b>2.137.301.453</b>
6	Doanh thu HĐTC	21		4.454.694	2.224.129
7	Chi phí tài chính	22			
	Trong đó : CP lãi vay	23			
8	Chi phí bán hàng	24		976.210.780	925.655.500
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		884.156.495	970.345.000
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>30</b>		<b>463.540.544</b>	<b>243.525.082</b>
11	Thu nhập khác	31		-	
12	Chi phí khác	32		-	
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận khác ( 40 = 31 – 32 )</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>463.540.544</b>	<b>243.525.082</b>
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		92.708.109	108.105.016
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>17</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>370.832.435</b>	<b>135.420.066</b>
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

**CHƯƠNG 3 :****MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH VĨNH SINH****3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Vĩnh Sinh.****3.1.1 Ưu điểm**

- Về công tác quản lý :
  - + Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty dễ dàng hoạt động, quản lý.
- Về công tác kế toán
  - + Bộ máy kế toán công ty gọn nhẹ được tổ chức theo mô hình tập trung, phân công công việc rõ ràng, mỗi người phụ trách một mảng riêng đảm bảo công việc nhưng vẫn phối hợp rất ăn ý và chặt chẽ.
  - + Các kế toán thường xuyên kiểm tra đối chiếu sổ sách, số liệu để kịp thời theo dõi các hoạt động của công ty.
- Về hệ thống chứng từ, sổ sách.
  - + Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, đây là hình thức kế toán phổ biến và đơn giản trong việc quản lý nhưng lại phù hợp với mô hình của công ty.
  - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên giúp kế toán dễ dàng quản lý tình hình Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa.
- Về tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
  - + Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí phát sinh đến chi phí được ghi chép tỷ mỉ, cẩn thận, đầy đủ để tránh các trường hợp lãng phí ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của công ty.

**3.1.2 Hạn chế**

- Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng cho công tác kế toán giúp cho việc quản lý số liệu, lưu trữ số liệu vẫn còn hạn chế.

- Công ty không hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí nhằm theo dõi doanh thu, chi phí và lợi nhuận cho từng mặt hàng.
- Công ty lấy căn cứ trích các khoản theo lương là mức lương tối thiểu vùng.

### **3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh**

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất đến mức có thể.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh chưa thực hiện được hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động của doanh nghiệp chưa phát huy hết được hiệu quả tối đa. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng là hết sức cần thiết.

Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và các khoản chi phí, đồng thời giúp nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách chính xác và kịp thời. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển doanh nghiệp.

### **3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán, việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc hay dập khuôn theo chế độ nhưng phải trong khuôn khổ.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

### 3.4 Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh

#### 3.4.1 Kiến nghị 1 : Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán.

- Lý do kiến nghị : Hiện tại công ty TNHH Vĩnh Sinh vẫn đang sử dụng Excel trong công tác kế toán. Nhưng ứng dụng Excel làm cho công ty tốn rất nhiều thời gian cũng như nhân lực mà đem lại hiệu quả không cao.

- Mục tiêu giải pháp : cải thiện công tác quản lý, thu thập, xử lý số liệu của kế toán, tiết kiệm thời gian cũng như khối lượng công việc cho các nhân viên kế toán.

- Cách thức tiến hành giải pháp : Công ty có thể tự viết phần mềm kế toán hoặc mua phần mềm kế toán chuyên nghiệp, trên thị trường có rất nhiều phần mềm phục vụ cho công tác kế toán : Misa, Vacom, Fast...

- Giao diện phần mềm MISA SME.NET 2017



Hình 3.1 : Giao diện phần mềm MISA SME.NET 2017

- Hiệu quả của giải pháp : khi sử dụng phần mềm kế toán việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác tiết kiệm được thời gian, chi phí và sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc. Các dữ liệu được bảo quản thuận lợi, an toàn và chuyên nghiệp hơn.

**3.4.2 Kiến nghị 2 :** Mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng.

- Lý do kiến nghị : công ty TNHH Vĩnh Sinh chưa mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.

- Mục tiêu của giải pháp : tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể chi tiết đến từng mặt hàng và theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp chi tiết theo từng mặt hàng.

Cách thức tiến hành giải pháp: công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng ( Biểu 3.1) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh ( Biểu 3.2)

*Biểu số 3.1 : Sổ chi tiết bán hàng*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải,

Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S35 – DN

( Ban hành theo thông tư 200/2014 - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm ( hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...)

Tháng ...năm ...

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác ( 521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Ngày. . .tháng. . năm . .

Người ghi sổ  
( Ký,họ tên)Kế toán trưởng  
( Ký,họ tên)Giám đốc  
( Ký,họ tên)

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH  
Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải,  
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

*Biểu số 3.2 : Sổ chi phí sản xuất kinh doanh*

Mẫu số S36 – DN

( Ban hành theo thông tư 200/2014 - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

( Dành cho các tài khoản 632, 641, 642...)

Tài khoản :.....

Tên sản phẩm , dịch vụ : .....

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản	
					Tổng tiền	Chia ra
					...	...
A	B	C	D	E		
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
			- Cộng số phát sinh trong kỳ			
			- Ghi có TK...			
			Số dư cuối kỳ			

Ngày. . .tháng. . năm . .

Người ghi sổ  
( Ký,họ tên

Kế toán trưởng  
( Ký,họ tên)

Giám đốc  
( Ký,họ tên)



Ví dụ minh họa : Căn cứ hóa đơn GTGT số 0000280 ( Biểu số 2.2) ngày 15/112 xuất bán 1 ô tô trộn bê tông 12m<sup>3</sup> cho công ty cổ phần thương mại ô tô Hà Nội, kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 511 ( Biểu số 3.3) và căn cứ vào phiếu xuất kho ( Biểu số 2.10). Kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết tài khoản 632 (Biểu số 3.4)

*Biểu số 3.3 Sổ chi tiết bán hàng*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH  
Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải,  
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S35 – DN  
( Ban hành theo thông tư 200/2014 - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm ( hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư... ) : Ô tô trộn bê tông 12m3  
Tháng 12 năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
					SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			...						
15/12	HD 0000280	15/12	Bán 1 ô tô trộn bê tông 12m3	131	1	1.254.545.455	1.254.545.455		
			...						
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Người ghi sổ

Giám đốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016  
Kế toán trưởng

*Biểu số 3.4 : Sổ Chi phí sản xuất kinh doanh*

CÔNG TY TNHH VĨNH SINH

Mẫu số S36 – DN

Số 160 Đình Đông, Phường Đông Hải,

( Ban hành theo thông tư 200/2014 - BTC

Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 632

Tên sản phẩm , dịch vụ : Ô tô trộn bê tông 12m<sup>3</sup>

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Ghi Nợ tài khoản		
					Tổng tiền	Chia ra	
						Giá vốn xuất kho	Chi phí thu mua phân bổ
A	B	C	D	E			
15/12	PXK	15/12	Xuất hàng theo HD 0000280	156	900.000.000	900.000.000	
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				
			- Ghi có TK...				
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp : Nếu công ty mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Từ đó thấy được tình hình sản xuất kinh doanh mặt hàng đó và đưa ra những quyết định đúng đắn : thu hẹp hay mở rộng lĩnh vực kinh doanh mặt hàng nào công ty.

### 3.4.3 Kiến nghị 3 : Tiền lương làm căn cứ trích theo lương

- Lý do kiến nghị : Hiện tại công ty TNHH Vĩnh Sinh đang lấy căn cứ trích các khoản theo lương là mức lương tối thiểu vùng. Mà theo quyết định mới nhất từ ngày 1/06/2016 đến hết 2017 căn cứ tính BHXH sẽ là mức lương và các khoản phụ cấp lương được ghi trong hợp đồng. Điều này ảnh hưởng nhiều đến chế độ bảo hiểm mà người lao động được hưởng.

- Mục tiêu giải pháp : thực hiện đúng quy định của Nhà nước cũng như đem lại quyền lợi về bảo hiểm cho người lao động

- Cách thức tiến hành : công ty đóng bảo hiểm cho người lao động dựa trên khoản lương ký trên hợp đồng với người lao động.

- Hiệu quả của giải pháp : Nếu công ty đóng bảo hiểm cho người lao động dựa trên khoản lương ký trên hợp đồng tuy doanh nghiệp sẽ phải chịu thêm 1 khoản chi phí và thu nhập của người lao động sẽ giảm đi 1 khoản đáng kể nhưng sẽ làm tăng lợi ích của người lao động khi ở tuổi về hưu ( lương hưu), góp phần mang lại giá trị an sinh lâu bền cho xã hội.

### 3.4.4 Kiến nghị 4 : Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng.

- Lý do kiến nghị : Công ty TNHH Vĩnh Sinh chưa phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng

- Tiêu thức phân bổ : Tính theo doanh thu thuần

$$\text{Chi phí bán hàng ( chi phí QLDN) phân bổ cho mặt hàng } i = \frac{\text{Tổng CPBH ( CP QLDN)}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng } i$$

- Mục đích phân bổ : xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đã được theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn.

### **3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh**

#### **3.5.1 Về phía Nhà nước**

- Có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, có tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

#### **3.5.2 Về phía doanh nghiệp**

- Ban lãnh đạo doanh nghiệp cần kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

- Công ty phải có khả năng tài chính và đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phân hành và giữa các phân hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

## KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Vĩnh Sinh em đã vận dụng một số kiến thức được học ở trường vào thực tế kinh doanh tại công ty.

Bài viết đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vĩnh Sinh :

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng.

- Kiến nghị về việc sử dụng phần mềm kế toán.

- Kiến nghị về căn cứ trích các khoản theo lương.

- Kiến nghị phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Với sự cố gắng của bản thân cùng sự giúp đỡ hướng dẫn nhiệt tình của Thầy Nguyễn Đức Kiên và các cô chú, anh chị phòng kế toán của công ty TNHH Vĩnh Sinh để em hoàn thành tốt nghiệp này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em rất mong nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thầy Nguyễn Đức Kiên và phòng kế toán công ty TNHH Vĩnh Sinh đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn !

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán. NXB Giao thông vận tải, (2015).
2. Bộ Tài Chính, chế độ kế toán doanh nghiệp ( Quyển 2)- Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải, (2015).
3. TS. Phan Đức Dũng, Kế toán tài chính, NXB Thống kê, (2016)
4. TS Phan Đức Dũng, Nguyên lý kế toán, NXB Lao động xã hội, (2011).